

QUY CHẾ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC Ở ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

(ban hành theo Quyết định số 1555/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25/5/2011 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội và Quyết định số 3050/QĐ-ĐHQGHN, ngày 17/9/2012 của Giám đốc ĐHQGHN v/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 1555/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25/5/2011 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Khoản 1, Điều 1 được sửa đổi như sau:

1. Quy chế này quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ (sau đây gọi chung là đào tạo sau đại học) theo hệ thống tín chỉ ở Đại học Quốc gia Hà Nội, bao gồm: chương trình đào tạo; tuyển sinh; tổ chức đào tạo; luận văn, luận án; công nhận học vị và cấp bằng; nghĩa vụ, quyền lợi của giảng viên; nghĩa vụ, quyền lợi của người học; tài chính cho đào tạo; kiểm định chất lượng và công khai điều kiện đảm bảo chất lượng; thanh tra kiểm tra, giải quyết và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân tham gia đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 2. Đơn vị đào tạo sau đại học

1. Đơn vị đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội gồm có:

a) Các trường đại học thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (sau đây gọi tắt là các trường);

b) Các viện nghiên cứu thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và các đơn vị đào tạo sau đại học trực thuộc: gồm các khoa, viện và trung tâm trực thuộc do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định thành lập (sau đây gọi chung là các viện, khoa và trung tâm).

2. Trách nhiệm của đơn vị đào tạo sau đại học

a) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của đơn vị đào tạo theo các quy định hiện hành của pháp luật và của Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Đăng kí mở chương trình đào tạo mới khi có đủ điều kiện đảm bảo chất lượng; xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy đối với các ngành, chuyên ngành được giao; tổ chức và quản lí quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt khi đăng kí mở ngành, chuyên ngành đào tạo;

c) Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các chuyên ngành đã được giao nhiệm vụ đào tạo; tổ chức hoặc tham gia tổ chức tuyển sinh hàng năm theo sự phân công của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội; quyết định hoặc đề nghị Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định (theo phân cấp nhiệm vụ) danh sách học viên, nghiên cứu sinh trúng tuyển;

d) Quản lý việc học tập và nghiên cứu của học viên, nghiên cứu sinh; tổ chức cho học viên và nghiên cứu sinh tham gia giảng dạy, sinh hoạt chuyên môn và nghiên cứu khoa học phù hợp với chuyên ngành đào tạo; quyết định hoặc đề nghị Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định (theo phân cấp nhiệm vụ) công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ cho các học viên và nghiên cứu sinh;

đ) Quản lý kinh phí, khai thác, tạo nguồn bổ sung, sử dụng và quản lý các nguồn lực khác trong đào tạo theo quy định;

e) Hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước theo quy định;

g) Công bố công khai các văn bản quy định về đào tạo; về chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy; về kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các ngành, chuyên ngành đã được giao; về danh sách học viên, nghiên cứu sinh trúng tuyển, tốt nghiệp hàng năm; về các đề tài luận văn, luận án đang thực hiện; về thông tin (toàn văn, tóm tắt) luận văn, luận án đã bảo vệ trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo;

h) Đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục với cơ quan có thẩm quyền; thực hiện đầy đủ các quy định về kiểm định chất lượng giáo dục;

i) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ theo quy định.

Điều 3. Cơ chế quản lý và tổ chức đào tạo

1. Đại học Quốc gia Hà Nội chỉ đạo, điều hành thống nhất công tác quản lý và tổ chức đào tạo theo cơ chế mở, liên thông, liên kết và hợp tác giữa các đơn vị đào tạo; phát huy lợi thế chuyên môn hóa, phân cấp quản lý theo hướng tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao cho các đơn vị đào tạo; phối hợp sử dụng hiệu quả các nguồn lực chung phục vụ đào tạo trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Các đơn vị đào tạo có nhiệm vụ quản lý và tổ chức đào tạo các chuyên ngành theo danh mục chuyên ngành đào tạo của Nhà nước và thí điểm đào tạo các chuyên ngành mới nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Các đơn vị đào tạo thực hiện liên thông, liên kết trong việc xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, đặc biệt là các chương trình đào tạo mới có tính liên ngành cao.

Phân công giảng dạy các môn học ở Đại học Quốc gia Hà Nội như sau:

a) Các môn học thuộc khối kiến thức chung được tổ chức giảng dạy chung trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Ngoại ngữ chịu trách nhiệm giảng dạy môn Ngoại ngữ cơ bản; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,

Trung tâm Đào tạo, Bồi dưỡng giảng viên lí luận chính trị chịu trách nhiệm giảng dạy các môn lí luận chính trị;

b) Các môn học thuộc khối kiến thức nhóm chuyên ngành và chuyên ngành được tổ chức giảng dạy chung trong đơn vị đào tạo. Trường hợp nhiều đơn vị đào tạo có cùng một môn học, đơn vị đào tạo nào quản lí môn học sẽ chịu trách nhiệm giảng dạy môn học đó;

c) Các môn học phát triển và nâng cao năng lực, kĩ năng sử dụng ngoại ngữ thông qua hoạt động chuyên môn do các đơn vị chuyên môn (khoa thuộc trường, bộ phận chuyên môn thuộc viện, khoa và trung tâm) phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ giảng dạy;

d) Các chuyên đề tiến sĩ do các đơn vị chuyên môn tổ chức thực hiện.

3. Căn cứ điều kiện đảm bảo chất lượng, yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ và nhu cầu về nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đơn vị đào tạo chủ động hoặc phối hợp với các đơn vị đào tạo khác trong Đại học Quốc gia Hà Nội điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo các chuyên ngành hiện có, xây dựng những chuyên ngành mới, đề nghị Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, ban hành chương trình và giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo.

Đối với chuyên ngành được tổ chức đào tạo thí điểm, đơn vị đào tạo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện sau hai khóa đào tạo và báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội. Dựa trên kết quả thực hiện thí điểm, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội sẽ xem xét, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa vào danh mục chuyên ngành đào tạo sau đại học chính thức của Nhà nước.

4. Các đơn vị đào tạo triển khai hợp tác theo mô hình đơn vị đào tạo - cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp (cơ quan, đơn vị, viện nghiên cứu, trường đại học, trường cao đẳng, doanh nghiệp ...) để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, gắn đào tạo với nghiên cứu - triển khai sản xuất - kinh doanh đáp ứng yêu cầu xã hội.

5. Hàng năm, các đơn vị đào tạo báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội về tình hình quản lí, tổ chức và kết quả đào tạo.

Điều 4. Nguyên tắc đảm bảo chất lượng và hiệu quả giáo dục

1. Nội dung đào tạo, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá và phương thức quản lí phải gắn với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu xã hội và khả năng thu hút các nguồn lực.

2. Ưu tiên đầu tư nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trước khi mở rộng quy mô đào tạo.

3. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trên cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

4. Kiểm định chất lượng giáo dục là yêu cầu thiết yếu trong công tác quản lí và là phương thức xác định mức độ đáp ứng các mục tiêu, chuẩn chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ và các hoạt động khác của Đại học Quốc gia Hà Nội để đề

ra những giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực hoạt động.

Điều 5. Hình thức dạy - học, giờ tín chỉ, tín chỉ và tiết học

1. Có ba hình thức dạy - học

a) Lên lớp: người học học tập trên lớp thông qua bài giảng, hướng dẫn trực tiếp của giảng viên tại lớp hoặc qua các lớp học video trực tuyến;

b) Thực hành: người học học tập thông qua thực hành, thực tập, làm thí nghiệm, làm bài tập, thảo luận, đọc và nghiên cứu tài liệu, ... dưới sự trợ giúp trực tiếp của giảng viên;

c) Tự học bắt buộc: người học tự học tập và nghiên cứu theo hình thức cá nhân hoặc tổ/nhóm ở nhà, ở thư viện, trong phòng thí nghiệm, ... theo kế hoạch, nhiệm vụ, nội dung do giảng viên giao, được kiểm tra để đánh giá điểm môn học.

2. Tín chỉ là đại lượng xác định khối lượng kiến thức, kỹ năng mà người học tích lũy được từ môn học trong 15 giờ tín chỉ.

3. Giờ tín chỉ là đại lượng đo thời lượng lao động học tập của người học, được phân thành ba loại theo các hình thức dạy - học và được xác định như sau:

a) Một giờ tín chỉ lên lớp bằng 01 tiết lên lớp và 02 tiết tự học;

b) Một giờ tín chỉ thực hành bằng 02 tiết thực hành và 01 tiết tự học;

c) Một giờ tín chỉ tự học bắt buộc bằng 03 tiết tự học bắt buộc nhưng được kiểm tra, đánh giá.

4. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

Điều 6. Môn học và chuyên đề tiến sĩ

1. Môn học

a) Môn học trong chương trình đào tạo sau đại học là một phần kiến thức tương đối trọn vẹn của một chuyên ngành, có nội dung, phương pháp luận, phương thức tổ chức học tập, kiểm tra đánh giá được thiết kế phù hợp với người học có trình độ đại học trở lên và đảm bảo tính kết nối liên thông giữa trình độ đại học và sau đại học.

Mỗi môn học có khối lượng kiến thức từ 2 đến 5 tín chỉ được tổ chức giảng dạy trọn vẹn trong một học kỳ và được đánh mã riêng theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

b) Các loại môn học

- Môn học bắt buộc là môn học có những nội dung kiến thức chính của chương trình đào tạo mà người học bắt buộc phải hoàn thành;

- Môn học tự chọn là môn học có những nội dung kiến thức thể hiện tính đa dạng của chương trình đào tạo. Người học được lựa chọn trong số các môn học tự chọn theo quy định của chương trình đào tạo để hoàn thành;

- Môn học tiên quyết của một môn học là môn học bắt buộc người học phải hoàn thành trước khi học môn học đó.

2. Chuyên đề tiến sĩ

a) Chuyên đề tiến sĩ là một phần kiến thức tương đối trọn vẹn của một đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu do nghiên cứu sinh tự tích lũy theo yêu cầu và dưới sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn nhằm mục đích trang bị cho nghiên cứu sinh năng lực nghiên cứu khoa học, cập nhật và nâng cao kiến thức chuyên môn liên quan trực tiếp đến đề tài, giúp nghiên cứu sinh giải quyết tốt đề tài luận án tiến sĩ.

Mỗi chuyên đề tiến sĩ có khối lượng kiến thức từ 2 đến 3 tín chỉ được thực hiện trọn vẹn trong một học kì và được đánh mã riêng theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

b) Các loại chuyên đề tiến sĩ

- Chuyên đề bắt buộc: yêu cầu nghiên cứu sinh cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lí thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu;

- Chuyên đề tự chọn: yêu cầu nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của mình, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Nghiên cứu sinh được lựa chọn trong số các chuyên đề tự chọn theo quy định của chương trình đào tạo, theo yêu cầu và dưới sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn.

3. Đề cương môn học và đề cương chuyên đề tiến sĩ

Đề cương môn học và đề cương chuyên đề tiến sĩ (sau đây gọi chung là đề cương môn học) do giảng viên biên soạn và được thủ trưởng đơn vị quản lí môn học phê duyệt để thực hiện.

Điều 7. Ngành, chuyên ngành và chương trình đào tạo

1. Ngành đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội được xác định trên cơ sở ngành đào tạo trình độ đại học.

2. Chuyên ngành đào tạo sau đại học được xây dựng trên cơ sở danh mục chuyên ngành đào tạo sau đại học hiện hành của nhà nước hoặc được đề xuất phù hợp với phân loại khoa học đối với chuyên ngành thí điểm (chưa có trong danh mục của nhà nước). Chuyên ngành mang tính đơn ngành được phân nhánh từ một ngành đào tạo. Chuyên ngành mang tính liên ngành được xây dựng từ các ngành đào tạo khác nhau.

3. Chương trình đào tạo sau đại học bao gồm các học phần, luận văn thạc sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ. Chương trình đào tạo sau đại học phải thể hiện mục tiêu đào tạo sau đại học, quy định chuẩn đầu ra về kiến thức, năng lực, kĩ năng, phẩm chất đạo đức, phạm vi và cấu trúc nội dung đào tạo, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo. Mỗi chương trình đào tạo gắn với một chuyên ngành đào tạo. Đại học Quốc gia Hà Nội có các loại chương trình đào tạo sau:

a) Chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội, được chia thành 2 loại:

- Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu;

- Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng thực hành;
- b) Chương trình đào tạo thạc sĩ đạt chuẩn quốc tế;
- c) Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế, được chia thành 3 loại:
 - Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng;
 - Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội và trường đại học nước ngoài cùng cấp bằng;
 - Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do trường đại học nước ngoài cấp bằng;
- d) Chương trình đào tạo tiến sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội;
- đ) Chương trình đào tạo tiến sĩ đạt chuẩn quốc tế;
- e) Chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế, được chia thành 3 loại:
 - Chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng;
 - Chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội và trường đại học nước ngoài cùng cấp bằng;
 - Chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế do trường đại học nước ngoài cấp bằng.

Điều 8. Ngành/chuyên ngành đúng, phù hợp, gần và khác

1. Hai ngành đào tạo đại học được coi là ngành đúng khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau dưới 20%; được coi là ngành phù hợp khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau từ 20 đến dưới 30%; được coi là ngành gần khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau từ 30 đến 50%; được coi là ngành khác khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau trên 50%.

2. Hai chuyên ngành đào tạo thạc sĩ được coi là chuyên ngành đúng khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau dưới 10%; được coi là chuyên ngành phù hợp khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau từ 10 đến dưới 20%; được coi là chuyên ngành gần khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau từ 20 đến 30%; được coi là chuyên ngành khác khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau trên 30%.

Ngành/chuyên ngành đúng; ngành/chuyên ngành phù hợp; ngành/chuyên ngành gần phải được xác định rõ trong chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ cho từng chuyên ngành đào tạo do đơn vị đào tạo đề xuất và Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

Điều 9. Hình thức đào tạo

1. Đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ ở Đại học Quốc gia Hà Nội được thực hiện theo một trong hai hình thức: đào tạo tập trung hoặc đào tạo không tập trung.

a) Hình thức đào tạo tập trung yêu cầu người học phải dành toàn bộ thời gian cho học tập và nghiên cứu tại đơn vị đào tạo;

b) Hình thức đào tạo không tập trung cho phép người học được dành một phần thời gian cho công việc khác, nhưng tổng thời gian dành cho học tập, nghiên cứu tại đơn vị đào tạo phải bằng thời gian đào tạo theo hình thức tập trung. Trong đó, đối với chương trình đào tạo tiến sĩ, người học phải có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại đơn vị đào tạo để thực hiện đề tài nghiên cứu.

2. Hình thức đào tạo quy định cho các loại chương trình đào tạo như sau:

a) Chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội: có thể áp dụng theo hình thức tập trung hoặc không tập trung. Thủ trưởng đơn vị đào tạo lựa chọn hình thức đào tạo phù hợp, báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội và thông báo rộng rãi trước kì thi tuyển sinh hàng năm;

b) Chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ đạt chuẩn quốc tế: bắt buộc áp dụng theo hình thức đào tạo tập trung;

c) Chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ liên kết quốc tế: có thể áp dụng theo hình thức tập trung hoặc không tập trung theo sự lựa chọn của đơn vị đào tạo hoặc theo văn bản thỏa thuận với đối tác nước ngoài.

Chương II

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 10. Yêu cầu của chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo được xây dựng dựa vào chuẩn đầu ra và áp dụng theo quy trình 4 bước nhằm đổi mới nội dung, phương pháp và công nghệ đào tạo:

- a) Hình thành mục tiêu, điều tra nhu cầu và xây dựng chuẩn đầu ra;
- b) Thiết kế chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra;
- c) Thực hiện đào tạo thí điểm, điều chỉnh chương trình đào tạo;
- d) Triển khai đào tạo đại trà.

2. Yêu cầu của các loại chương trình đào tạo:

a) Chương trình đào tạo thạc sĩ hoặc tiến sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội là chương trình đào tạo được xây dựng đạt chuẩn chất lượng quốc gia, đáp ứng các yêu cầu kiểm định chất lượng của Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Chương trình đào tạo thạc sĩ hoặc tiến sĩ đạt chuẩn quốc tế là chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở kế thừa có chọn lọc chương trình đào tạo của trường đại học đối tác thuộc nhóm 500 (ưu tiên nhóm 200) trường hàng đầu trên thế giới, đã được điều chỉnh cho phù hợp với khả năng, điều kiện của Đại học Quốc gia Hà Nội và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đạt mức độ cao nhất theo các tiêu chí kiểm định chất lượng của Đại học Quốc gia Hà Nội;

c) Chương trình đào tạo thạc sĩ hoặc tiến sĩ liên kết quốc tế

- Chương trình đào tạo thạc sĩ hoặc tiến sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng là chương trình được xây dựng theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội, tham khảo có chọn lọc chương trình đào tạo của đối tác nước ngoài nhằm bổ sung những nội dung thiết yếu, đáp ứng yêu cầu và điều kiện thực tế của Việt Nam;

- Chương trình đào tạo thạc sĩ hoặc tiến sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội và đối tác nước ngoài cùng cấp bằng là chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên sự thống nhất giữa đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội với đối tác nước ngoài, đáp ứng các yêu cầu kiểm định chất lượng của Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Chương trình đào tạo thạc sĩ hoặc tiến sĩ liên kết quốc tế do đối tác nước ngoài cấp bằng là chương trình đào tạo của đối tác nước ngoài, đạt yêu cầu kiểm định chất

lượng của quốc gia đối tác và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của quốc gia này cho phép thực hiện chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội và được Đại học Quốc gia Hà Nội chấp thuận.

Điều 11. Cấu trúc của chương trình đào tạo thạc sĩ

1. Chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội

a) Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu:

Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu được thiết kế từ 40 đến 55 tín chỉ, cấu trúc gồm hai phần:

- Phần 1: Các môn học chiếm 70-75% khối lượng chương trình đào tạo, được chia làm 3 nhóm tương ứng với 3 khối kiến thức: khối kiến thức chung, khối kiến thức nhóm chuyên ngành và khối kiến thức chuyên ngành.

Khối kiến thức chung gồm các môn lí luận chính trị (Triết học) và Ngoại ngữ cơ bản.

Khối kiến thức nhóm chuyên ngành gồm các môn học bổ sung, nâng cao kiến thức cơ sở và liên ngành; phát triển năng lực và kĩ năng sử dụng ngoại ngữ thông qua hoạt động chuyên môn (Ngoại ngữ học thuật).

Khối kiến thức chuyên ngành gồm những môn học chuyên sâu cho từng chuyên ngành đào tạo.

Trong mỗi khối kiến thức nhóm chuyên ngành và kiến thức chuyên ngành đều có các môn học bắt buộc và môn học lựa chọn, trong đó nhóm các môn học lựa chọn chiếm tỉ lệ từ 30 đến 40%.

Để đáp ứng yêu cầu lựa chọn của học viên, số môn học, số tín chỉ phải được xây dựng gấp từ 2 đến 3 lần số môn học và số tín chỉ mà học viên phải chọn.

- Phần 2: Luận văn thạc sĩ (sau đây gọi tắt là luận văn) chiếm 25-30% khối lượng chương trình đào tạo.

b) Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng thực hành:

Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng thực hành được thiết kế từ 40 đến 55 tín chỉ, cấu trúc gồm hai phần:

- Phần 1: Các môn học chiếm 85-90% khối lượng chương trình đào tạo, được chia làm 3 khối kiến thức như chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu được quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này;

- Phần 2: Luận văn thạc sĩ chiếm 10-15% khối lượng chương trình đào tạo.

2. Chương trình đào tạo thạc sĩ đạt chuẩn quốc tế

Chương trình đào tạo thạc sĩ đạt chuẩn quốc tế được thiết kế như chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội theo định hướng nghiên cứu quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này. Đồng thời, phải kế thừa có chọn lọc chương trình đào tạo của trường đại học đối tác, trong đó có ít nhất 50% số môn học thuộc khối kiến thức nhóm chuyên ngành và khối kiến thức chuyên ngành được lấy từ chương trình đào tạo của trường đại học đối tác (đối với các chuyên ngành đào tạo mang tính đặc

thù, tỉ lệ này có thể thấp hơn nhưng không dưới 30%). Ngôn ngữ giảng dạy cho các môn học thuộc khối kiến thức nhóm chuyên ngành và chuyên ngành là tiếng Anh; luận văn thạc sĩ được viết và bảo vệ bằng tiếng Anh. Trường hợp sử dụng ngôn ngữ không phải tiếng Anh, đơn vị đào tạo phải có văn bản giải trình trước khi mở chuyên ngành đào tạo và được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

3. Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế

a) Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng được thiết kế như chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội theo định hướng nghiên cứu quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này;

b) Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội và đối tác nước ngoài cùng cấp bằng được thiết kế theo văn bản thỏa thuận hợp tác giữa đơn vị đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội và đối tác nước ngoài nhưng phải phù hợp với cấu trúc của chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội;

c) Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do đối tác nước ngoài cấp bằng được thiết kế theo thỏa thuận của đơn vị đào tạo và đối tác, được Đại học Quốc gia Hà Nội thẩm định và chấp thuận.

4. Cấu trúc của các chương trình đào tạo thạc sĩ đặc biệt khác do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quy định riêng.

Điều 12. Cấu trúc của chương trình đào tạo tiến sĩ

1. Chương trình đào tạo tiến sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội

Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội gồm 4 phần:

a) Phần 1: Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung là các học phần giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của nghiên cứu sinh.

- Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở khối kiến thức chung bắt buộc, khối kiến thức nhóm chuyên ngành và khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ tương ứng quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 11, Quy chế này.

- Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc do đơn vị đào tạo khác cấp thì trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo hiện tại, đơn vị đào tạo yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung các học phần cần thiết theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu.

- Trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của nghiên cứu sinh còn thiếu những học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, Thủ trưởng đơn vị đào tạo có thể yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học.

- Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định các học phần nghiên cứu sinh cần học bổ sung.

b) Phần 2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lí thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi học phần được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 3 tín chỉ. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 3 đến 5 học phần với khối lượng từ 8 đến 12 tín chỉ thuộc trình độ tiến sĩ. Ngoài ra, nghiên cứu sinh phải hoàn thành 4 tín chỉ để nâng cao năng lực và kĩ năng sử dụng ngoại ngữ thông qua hoạt động chuyên môn (Ngoại ngữ học thuật nâng cao).

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần lựa chọn, trong đó các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành. Các học phần lựa chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài nghiên cứu sinh hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học.

- Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 2 đến 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng từ 4 đến 6 tín chỉ.

- Bài tiểu luận tổng quan (2 tín chỉ) về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

- Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định và công bố công khai trước khi khai giảng khóa đào tạo các nội dung: danh mục, mục tiêu, yêu cầu, nội dung các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ của từng chuyên ngành đào tạo; cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu cho mỗi học phần mà nghiên cứu sinh cần đạt; cách báo cáo, cách đánh giá các báo cáo chuyên đề và đánh giá tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh.

c) Phần 3. Nghiên cứu khoa học

- Nghiên cứu khoa học là yêu cầu bắt buộc trong quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Tùy theo tính chất của lĩnh vực nghiên cứu thuộc khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kĩ thuật, công nghệ mà đơn vị đào tạo có các yêu cầu khác nhau đối với việc đánh giá hiện trạng tri thức, giải pháp công nghệ liên quan đến đề tài luận án, yêu cầu điều tra, thực nghiệm để bổ sung các dữ liệu cần thiết, yêu cầu suy luận khoa học hoặc thiết kế giải pháp, thí nghiệm để từ đó nghiên cứu sinh đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới. Đây là các cơ sở quan trọng nhất để nghiên cứu sinh viết luận án.

- Nội dung, quy mô nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án. Đơn vị đào tạo có trách nhiệm tạo điều kiện về kinh phí và cơ sở vật chất để nghiên cứu sinh tiến hành các nghiên cứu cần thiết cho luận án. Nghiên cứu sinh phải đảm bảo về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

- Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lí do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến thì để đảm bảo chất lượng luận án, nghiên cứu sinh được đăng kí kéo dài thời gian nghiên cứu. Các chi phí đào tạo trong thời gian kéo dài do nghiên cứu sinh chịu hoặc do đơn vị cử đi học hoặc đơn vị đào tạo hỗ trợ nếu có điều kiện.

d) Phần 4. Luận án tiến sĩ (sau đây gọi tắt là luận án) có khối lượng từ 70 đến 80 tín chỉ.

Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lí luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội.

Luận án có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Cấu trúc của luận án bao gồm các phần và chương sau:

- Phần mở đầu: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lí do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

- Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

- Nội dung, kết quả nghiên cứu (một hoặc nhiều chương): trình bày cơ sở lí thuyết, lí luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và bàn luận.

- Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

- Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;

- Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;

- Phụ lục của luận án (nếu có).

Điều 13. Nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo mới

1. Chuyên ngành có nhu cầu xã hội cao, được minh chứng qua điều tra khảo sát tại các cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp.

2. Phù hợp với sứ mệnh, gắn liền với chiến lược phát triển của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo; có vai trò thí điểm tiên phong cho hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam.

3. Ưu tiên xây dựng các chương trình đào tạo có tính liên ngành, độc đáo, phát huy thế mạnh của các đơn vị; thúc đẩy liên thông, liên kết trong Đại học Quốc gia Hà Nội; hợp tác với các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp và các cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp.

4. Đối với chuyên ngành đào tạo chưa có trong Danh mục chuyên ngành đào tạo sau đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đơn vị đào tạo phải trình bày luận cứ khoa học về chuyên ngành đào tạo mới đã được Hội đồng khoa học đào tạo của đơn vị đào tạo thông qua; thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới, kèm theo chương trình đào tạo tham khảo của một số trường đại học đã được kiểm định ở nước ngoài.

5. Không trùng với chuyên ngành đào tạo do đơn vị đào tạo khác trong Đại học Quốc gia Hà Nội đang làm đầu mối phụ trách. Trường hợp có sự trùng lặp về chuyên ngành đào tạo giữa các đơn vị trong Đại học Quốc gia Hà Nội, đơn vị xin mở chương trình phải thuyết minh rõ về tính đặc thù, sự khác biệt với các chương trình đào tạo khác cùng chuyên ngành.

6. Xây dựng theo cách tiếp cận chuẩn đầu ra và theo đúng quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội về cấu trúc, khối lượng của một chương trình đào tạo.

7. Phù hợp với các điều kiện đảm bảo chất lượng hiện có và khả năng bổ sung của Đại học Quốc gia Hà Nội, của đơn vị đào tạo, thu hút và khai thác được nguồn lực của các cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp, các nhà tài trợ, nguồn vốn ngoài ngân sách và các khả năng xã hội hóa khác.

8. Phát huy được hiệu quả hợp tác quốc tế để hoàn thiện chương trình đào tạo và phương thức quản lí, tổ chức đào tạo, nâng cao trình độ giảng viên, nhanh chóng đạt chuẩn quốc tế về nội dung, phương pháp, mô hình đào tạo và hệ thống văn bằng.

Điều 14. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Chuẩn đầu ra là quy định về nội dung kiến thức, kĩ năng, phẩm chất đạo đức của người học, công việc mà người học có thể đảm nhận được sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, từng chuyên ngành đào tạo.

2. Xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra là yêu cầu bắt buộc khi xây dựng chương trình đào tạo để công khai với xã hội và người học về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, các kiến thức, kĩ năng sẽ được trang bị sau khi tốt nghiệp làm cơ sở xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, đổi mới công tác quản lí đào tạo, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá, đổi mới phương pháp học tập; tạo cơ hội và tăng cường hợp tác, gắn kết giữa đơn vị đào tạo và cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực.

3. Chuẩn đầu ra bao gồm các nội dung sau:

- a) Tên chuyên ngành đào tạo bằng tiếng Việt và tiếng Anh;
- b) Trình độ đào tạo (thạc sĩ, tiến sĩ);
- c) Yêu cầu về kiến thức: kiến thức chuyên môn, năng lực nghiên cứu;
- d) Yêu cầu về kĩ năng:

- Kỹ năng nghề nghiệp: kỹ năng chuyên môn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng lập kế hoạch, ...

- Kỹ năng mềm: kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, bằng công nghệ thông tin và các phương tiện truyền thông; kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ; kỹ năng làm việc theo nhóm; kỹ năng thuyết trình và giao tiếp với đồng nghiệp và các kỹ năng cần thiết khác;

d) Yêu cầu về phẩm chất đạo đức:

- Trách nhiệm công dân;

- Trách nhiệm, đạo đức, ý thức và tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ;

- Thái độ tích cực;

e) Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp;

g) Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp;

h) Các chương trình, tài liệu đạt chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo.

4. Chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra của các chương trình đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội quy định như sau:

a) Tương đương Chuẩn B1 của Khung tham chiếu Châu Âu (đối với tiếng Anh: tương đương 4.5 IELTS, hoặc 477 TOEFL) đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Tương đương Chuẩn B2 của Khung tham chiếu Châu Âu chung (đối với tiếng Anh: tương đương 5.0 IELTS, hoặc 500 TOEFL) đối với chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng và chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội;

c) Tương đương Chuẩn C1 của Khung tham chiếu Châu Âu (đối với tiếng Anh: tương đương 6.0 IELTS, hoặc 550 TOEFL) đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ đạt chuẩn quốc tế, chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ đạt chuẩn quốc tế, chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng;

d) Đối với các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội và đơn vị đối tác cùng cấp bằng hoặc do đối tác cấp bằng, chuẩn ngoại ngữ đầu ra được thực hiện theo văn bản thỏa thuận hợp tác nhưng không được thấp hơn chuẩn ngoại ngữ đầu ra của chương trình đào tạo chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội ở trình độ tương ứng.

5. Thủ trưởng đơn vị đào tạo chỉ đạo việc xây dựng chuẩn đầu ra chi tiết và định lượng cho từng chương trình đào tạo, tổ chức hội thảo rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, các nhà khoa học, giảng viên, các cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp, cựu học viên..., hoàn thiện và công bố chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo.

Điều 15. Điều kiện mở chương trình đào tạo thạc sĩ

1. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội:

Các đơn vị được đăng ký mở chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Chuyên ngành đào tạo có trong Danh mục giáo dục, đào tạo trình độ thạc sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trường hợp chuyên ngành đào tạo chưa có trong Danh mục, đơn vị đào tạo phải trình bày luận cứ khoa học về chuyên ngành đào tạo mới đã được Hội đồng Khoa học – Đào tạo của đơn vị đào tạo thông qua; thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới, kèm theo chương trình đào tạo tham khảo của một số trường đại học nước ngoài có uy tín và chất lượng cao, đã được kiểm định.

b) Có đơn vị thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội đã đào tạo trình độ đại học chính quy ngành tương ứng hoặc nhóm ngành tương ứng (đối với chuyên ngành mang tính liên ngành) với chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và có ít nhất 2 khóa sinh viên đã tốt nghiệp, trừ trường hợp các chuyên ngành đào tạo đặc thù không đào tạo cử nhân.

c) Có đội ngũ giảng viên cơ hữu của Đại học Quốc gia Hà Nội đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành đào tạo, cụ thể:

- Giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên đảm nhận việc giảng dạy ít nhất 80% chương trình đào tạo, trong đó có ít nhất một nửa là cán bộ cơ hữu của đơn vị đào tạo;

- Có ít nhất 6 giảng viên cơ hữu của Đại học Quốc gia Hà Nội có bằng tiến sĩ cùng ngành, trong đó có ít nhất 3 người cùng chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo là cán bộ cơ hữu của đơn vị đào tạo. Đối với các chuyên ngành đào tạo mới, thí điểm có thể được thay thế bằng những người có chuyên môn phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo;

d) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo ngành hoặc chuyên ngành ở trình độ thạc sĩ, cụ thể:

- Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu của ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo;

- Thư viện của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo có nguồn thông tin tư liệu (sách, giáo trình và tạp chí trong và ngoài nước) được xuất bản trong 5 năm trở lại đây, đáp ứng yêu cầu dạy, học các học phần trong chương trình đào tạo và thực hiện đề tài luận văn;

- Có trang web của đơn vị đào tạo được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, công khai thu chi tài chính.

đ) Đơn vị đào tạo có năng lực, kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học ở lĩnh vực của ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo; các giảng viên tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ đã và đang chủ trì các đề tài khoa học từ cấp Bộ hoặc tương đương trở lên ở ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo. Mỗi giảng viên là tiến sĩ có ít nhất 3 công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có trong danh mục của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước quy định trong 5 năm trở lại đây tính đến ngày đơn vị đào tạo đề nghị cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ.

e) Có đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ.

g) Có chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo đề nghị cho phép đào tạo.

h) Không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ ở các ngành hoặc chuyên ngành đang đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong thời hạn 3 năm tính đến ngày đơn vị đào tạo đề nghị cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ.

i) Chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo phù hợp với quy hoạch tổng thể, kế hoạch phát triển ngành/chuyên ngành và sứ mệnh, chức năng, nhiệm vụ, gắn liền với việc thực hiện chiến lược phát triển của đơn vị và của Đại học Quốc gia Hà Nội; có vai trò thí điểm tiên phong cho hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam; không trùng với các ngành/chuyên ngành thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ do các đơn vị khác trong Đại học Quốc gia Hà Nội đang làm đầu mối phụ trách.

k) Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định đơn vị đầu mối tổ chức đào tạo đối với các chương trình đào tạo thạc sĩ mang tính liên ngành, liên lĩnh vực và liên quan tới nhiều đơn vị.

2. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ đạt chuẩn quốc tế

a) Đạt các điều kiện như đối với chương trình đào tạo chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội quy định tại Khoản 1, Điều này;

b) Ngoài ra, đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ khoa học phải đáp ứng thêm các yêu cầu sau:

- Đội ngũ cán bộ quản lý có tư duy, phương pháp và kỹ năng quản trị đại học tiên tiến, sử dụng tốt công nghệ thông tin và ngoại ngữ (tối thiểu là tiếng Anh) trong công tác, có thể giao tiếp với đối tác nước ngoài; có năng lực tạo ra môi trường học thuật, làm việc thuận lợi cho học tập, nghiên cứu, sáng tạo;

- Đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn giỏi; có năng lực và phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá tiên tiến; có năng lực khai thác các phương tiện giảng dạy và nghiên cứu tiên tiến; có năng lực ngoại ngữ tốt để giảng dạy và trao đổi chuyên môn bằng ngoại ngữ (tối thiểu là tiếng Anh);

c) Có đơn vị đối tác là trường đại học nước ngoài hoặc viện nghiên cứu (gọi chung là trường đối tác) để đơn vị đào tạo có thể hợp tác, liên kết đào tạo hoặc tham khảo xây dựng chương trình đào tạo, hợp tác nghiên cứu. Trường đối tác phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

- Thuộc nhóm có thứ hạng cao (ưu tiên nhóm 200) trường đại học hàng đầu trên thế giới, có các ngành, chuyên ngành tương ứng ở thứ hạng cao;

- Có các chuyên gia có thể tư vấn xây dựng chương trình đào tạo và tham gia giảng dạy, nghiên cứu các nội dung khoa học của ngành, chuyên ngành liên quan tại đơn vị;

- Đã có quan hệ hợp tác hoặc sẵn sàng hợp tác với đơn vị;

d) Có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lí, thu hút các nhà khoa học xuất sắc trong và ngoài nước về làm việc tại đơn vị.

3. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế

a) Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng: điều kiện mở chương trình đào tạo được thực hiện như đối với chương trình đào tạo chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội được quy định tại Khoản 1, Điều này. Riêng điều kiện về đội ngũ cán bộ có thể sử dụng cán bộ cơ hữu của đơn vị đối tác để bổ sung vào điều kiện về cán bộ cơ hữu của Đại học Quốc gia Hà Nội; có thể sử dụng cơ sở vật chất của đơn vị đối tác để bổ sung vào điều kiện về cơ sở vật chất của đơn vị đào tạo;

b) Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội và đối tác nước ngoài cùng cấp bằng: điều kiện mở chương trình đào tạo được thực hiện như đối với chương trình đào tạo liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng được quy định tại Điểm a, Khoản này;

c) Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do đối tác nước ngoài cấp bằng

- Có đối tác nước ngoài đáp ứng các yêu cầu sau: là cơ sở đào tạo sau đại học có các ngành, chuyên ngành tương ứng đang được thực hiện có chất lượng và hiệu quả, có tư cách pháp nhân, có uy tín quốc tế, đạt yêu cầu kiểm định chất lượng của quốc gia đối tác và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của quốc gia này cho phép thực hiện chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội; có các chuyên gia, giảng viên giỏi có thể tư vấn xây dựng chương trình đào tạo và tham gia giảng dạy, nghiên cứu các nội dung khoa học của ngành, chuyên ngành liên quan, theo chương trình đào tạo tương ứng tại Đại học Quốc gia Hà Nội; có quan hệ hợp tác chính thức với Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc đơn vị liên kết trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Có đủ điều kiện về cơ sở vật chất và tài chính phục vụ cho công tác tổ chức đào tạo bao gồm: phòng học với các phương tiện, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập; phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất thử nghiệm, phòng máy tính đáp ứng yêu cầu đào tạo; thuyết minh về kinh phí để triển khai chương trình đào tạo một cách hiệu quả.

4. Điều kiện cho phép tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ các chuyên ngành đặc biệt do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quy định riêng.

Điều 16. Điều kiện mở chương trình đào tạo tiến sĩ

1. Đối với chương trình đào tạo tiến sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội

Các đơn vị được đăng kí mở chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Chuyên ngành đào tạo có trong Danh mục giáo dục, đào tạo trình độ tiến sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trường hợp chuyên ngành đào tạo chưa có trong Danh mục, đơn vị đào tạo phải trình bày luận cứ khoa học về chuyên ngành đào tạo mới đã được Hội đồng Khoa học – Đào tạo của đơn vị đào tạo thông qua; thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới, kèm theo chương trình đào tạo tham khảo của một số trường đại học nước ngoài có uy tín và chất lượng cao, đã được kiểm định.

b) Có đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội đã đào tạo trình độ thạc sĩ ngành hoặc chuyên ngành tương ứng với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ và có ít nhất 2 khóa học viên đã tốt nghiệp;

c) Có đội ngũ giảng viên cơ hữu của Đại học Quốc gia Hà Nội đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ ở chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo, cụ thể:

- Có khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, có khả năng phát hiện vấn đề nghiên cứu, hướng dẫn, chỉ đạo nghiên cứu sinh xây dựng đề cương nghiên cứu đề tài luận án, hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện đề tài luận án, viết luận án và tham gia Hội đồng chấm luận án;

- Có ít nhất 1 giáo sư hoặc phó giáo sư và 5 tiến sĩ cùng ngành là cán bộ cơ hữu của Đại học Quốc gia Hà Nội, trong đó có ít nhất 1 giáo sư hoặc phó giáo sư và 2 tiến sĩ là cán bộ cơ hữu của đơn vị đào tạo đáp ứng các yêu cầu: cùng chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo; có ít nhất 3 công trình nghiên cứu khoa học phù hợp với chuyên ngành đào tạo đã được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có trong danh mục của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước quy định trong vòng 5 năm tính đến khi lập hồ sơ mở chuyên ngành; Các chuyên ngành đào tạo mới, thí điểm có thể được thay thế bằng những người có chuyên môn phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo.

d) Có đủ khả năng và điều kiện để thành lập hội đồng đánh giá luận án và tổ chức đánh giá luận án theo quy định hiện hành;

đ) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo trình độ tiến sĩ, cụ thể:

- Có đủ phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu với trang thiết bị cần thiết bảo đảm để nghiên cứu sinh có thể triển khai thực hiện đề tài luận án; có chỗ làm việc cho người hướng dẫn và nghiên cứu sinh;

- Thư viện của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo có đủ nguồn thông tin tư liệu và phương tiện để nghiên cứu sinh tìm hiểu, tra cứu khi thực hiện đề tài luận án, viết luận án như sách, giáo trình, tạp chí khoa học trong và ngoài nước, thư viện điện tử có thể liên kết với các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực, cùng chuyên ngành đào tạo trong và ngoài nước;

- Có trang web của đơn vị đào tạo được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của đơn vị đào tạo, công khai thu chi tài chính;

e) Đơn vị đào tạo đã thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, trong đó có ít nhất 5 nhiệm vụ nghiên cứu thuộc đề tài khoa học cấp nhà nước, bộ, ngành, tỉnh, thành phố hoặc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học có chất lượng cao hoặc tương đương; Có kinh nghiệm trong đào tạo, bồi dưỡng những người làm công tác nghiên cứu khoa học; thường xuyên tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học chuyên ngành.

Các giảng viên tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ đã và đang chủ trì các đề tài khoa học từ cấp Bộ hoặc tương đương trở lên ở chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo. Mỗi giảng viên là tiến sĩ có ít nhất 3 công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có trong danh mục của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước quy định trong 5 năm trở lại đây tính đến ngày đơn vị đào tạo đề nghị cho phép đào tạo chuyên ngành trình độ tiến sĩ;

g) Đã hợp tác với các trường đại học trên thế giới trong hoạt động đào tạo và hoạt động khoa học công nghệ;

h) Có đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý hoạt động đào tạo trình độ tiến sĩ;

i) Có chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo của chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.

k) Không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức, quản lý đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ ở các ngành hoặc chuyên ngành đang đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong thời hạn 3 năm tính đến ngày đơn vị đào tạo đề nghị cho phép đào tạo chuyên ngành trình độ tiến sĩ;

l) Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định đơn vị đầu mối tổ chức đào tạo đối với các chương trình đào tạo tiến sĩ mang tính liên ngành, liên lĩnh vực.

2. Đối với chương trình đào tạo tiến sĩ đạt chuẩn quốc tế

Điều kiện cho phép tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ đạt chuẩn quốc tế gồm các điều kiện quy định tại Điểm b, c, d, Khoản 2, Điều 15 và Khoản 1, Điều này.

3. Đối với chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế

a) Chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng: điều kiện mở chương trình đào tạo được thực hiện như đối với chương trình đào tạo chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội được quy định tại Khoản 1, Điều này. Riêng điều kiện về đội ngũ cán bộ có thể sử dụng cán bộ cơ hữu của đơn vị đối tác để bổ sung vào điều kiện về cán bộ (kiêm nhiệm) cơ hữu của Đại học Quốc gia Hà Nội; có thể sử dụng cơ sở vật chất của đơn vị đối tác để bổ sung vào điều kiện về cơ sở vật chất của đơn vị đào tạo;

b) Chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội và đối tác nước ngoài cùng cấp bằng: điều kiện cho phép tổ chức đào tạo được thực hiện như đối với chương trình đào tạo liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng được quy định tại Điểm a, Khoản này;

c) Chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế do đối tác nước ngoài cấp bằng

- Có đối tác nước ngoài đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 15, Quy chế này;

- Có đủ phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu với trang thiết bị cần thiết bảo đảm để nghiên cứu sinh có thể triển khai thực hiện đề tài luận án; thuyết minh về kinh phí để triển khai chương trình đào tạo một cách hiệu quả;

4. Điều kiện cho phép tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ các chuyên ngành đặc biệt do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quy định riêng.

Điều 17. Quy trình xây dựng, ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo

1. Quy trình xây dựng, ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo được thực hiện thống nhất đối với các chương trình đào tạo do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng hoặc cùng cấp bằng theo quy định tại Khoản 3, Điều 7, Quy chế này. Quy trình được chia thành 3 bước như sau:

a) Đơn vị đào tạo xây dựng chương trình đào tạo

- Thành lập nhóm chuyên gia biên soạn đề án, xây dựng chương trình đào tạo và đề cương các môn học (gọi chung là đề án) theo chuẩn đầu ra về kiến thức, năng lực, kỹ năng, phẩm chất đạo đức;

- Tổ chức hội thảo về đề án để lấy ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, các cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp;

- Hội đồng Khoa học và Đào tạo của đơn vị họp thẩm định đề án;

- Trình Đại học Quốc gia Hà Nội hồ sơ để thẩm định và phê duyệt;

b) Đại học Quốc gia Hà Nội thẩm định và ban hành chương trình đào tạo

- Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức thẩm định chương trình đào tạo. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo do Đại học Quốc gia Hà Nội thành lập có 9 thành viên gồm các nhà khoa học có chuyên môn sâu thuộc lĩnh vực của chương trình đào tạo và đại diện lãnh đạo các đơn vị liên quan;

- Hội đồng thẩm định chuyên môn có trách nhiệm thẩm định mức độ cần thiết, tính khả thi của đề án và khối lượng, mục tiêu, nội dung của chương trình đào tạo;

- Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành chương trình nếu đề án được hội đồng thẩm định chuyên môn cấp Đại học Quốc gia Hà Nội thông qua;

- Đại học Quốc gia Hà Nội chấm dứt việc xử lý hồ sơ đăng ký mở chuyên ngành đào tạo và không ban hành chương trình đào tạo trong trường hợp đề án không được hội đồng thẩm định chuyên môn thông qua hoặc đơn vị đào tạo không hoàn thiện đề án trong thời hạn 1 năm kể từ ngày hội đồng thẩm định cấp Đại học Quốc gia Hà Nội họp;

c) Thẩm định điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo và giao nhiệm vụ đào tạo

- Đại học Quốc gia Hà Nội thẩm định điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo các quy định tại Điều 15 của Quy chế này. Hội đồng thẩm định điều kiện do Ban Đào tạo làm đầu mối phối hợp với các ban chức năng và các đơn vị liên quan, có nhiệm vụ tổ chức khảo sát, kiểm tra tình hình thực tế, báo cáo để Giám đốc xem xét quyết định giao nhiệm vụ đào tạo cho đơn vị;

- Đại học Quốc gia Hà Nội chấm dứt việc xử lý hồ sơ đăng ký mở chuyên ngành đào tạo và không giao nhiệm vụ đào tạo trong trường hợp đề án không được hội đồng thẩm định điều kiện thông qua hoặc đơn vị đào tạo không hoàn thiện các điều kiện mở chương trình đào tạo trong thời hạn 1 năm kể từ ngày hội đồng thẩm định điều kiện họp hoặc đơn vị không có đủ điều kiện thực hiện các nội dung đã nêu trong đề án.

2. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ liên kết quốc tế do đối tác nước ngoài cấp bằng, quy trình thực hiện như sau:

a) Đơn vị đào tạo lựa chọn đối tác, xây dựng đề án đào tạo liên kết quốc tế trình Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt;

b) Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức thẩm định, phê duyệt đề án và giao nhiệm vụ đào tạo:

- Ban Đào tạo làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ; thẩm định nội dung chương trình đào tạo liên kết quốc tế;

- Ban Quan hệ Quốc tế thẩm định tư cách pháp nhân của đối tác nước ngoài;

- Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục thẩm định văn bản kiểm định chất lượng và thứ hạng của đối tác nước ngoài;

- Ban Kế hoạch Tài chính thẩm định các điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính cho công tác đào tạo;

- Hội đồng thẩm định đề án và giao nhiệm vụ đào tạo;

- Ban Đào tạo tổng hợp kết luận của cuộc họp Hội đồng thẩm định và kết quả thẩm định, trình Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định phê duyệt đề án và giao nhiệm vụ đào tạo.

Điều 18. Quy trình cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo

1. Hàng năm, khi có nhu cầu, đơn vị đào tạo đề nghị cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo sau đại học của đơn vị mình. Quy trình cập nhật, điều chỉnh các chương trình đào tạo do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng hoặc cùng cấp bằng được thực hiện như sau:

a) Cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo

- Đơn vị triển khai đào tạo chuyên ngành (Khoa chuyên môn của trường trường đại học thành viên, tổ bộ môn (hoặc bộ phận chuyên môn) của viện, khoa và trung tâm) tổ chức đề xuất cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo và đề cương môn học của các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ;

- Hội đồng Khoa học và Đào tạo của đơn vị họp thẩm định chương trình cập nhật, điều chỉnh;

- Thủ trưởng đơn vị trình Đại học Quốc gia Hà Nội hồ sơ để thẩm định và ban hành. Trong hồ sơ đề nghị cần nêu rõ những nội dung cập nhật, điều chỉnh, số tín chỉ, tỉ lệ điều chỉnh so với chương trình đào tạo hiện hành;

b) Thẩm định và ban hành chương trình đào tạo

- Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức thẩm định chương trình đào tạo;

- Nếu nội dung cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo có tỉ lệ dưới 20% so với chương trình đào tạo hiện hành, Đại học Quốc gia Hà Nội thẩm định và quyết định ban hành chương trình đào tạo cập nhật, điều chỉnh;

- Nếu nội dung cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo từ 20% trở lên so với chương trình đào tạo hiện hành, Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức họp hội đồng thẩm

định chuyên môn và quyết định ban hành chương trình đào tạo cập nhật, điều chỉnh như đối với các chương trình mở mới quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 17 của Quy chế này.

2. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ liên kết quốc tế do đối tác nước ngoài cấp bằng, việc cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo do đối tác nước ngoài quy định và phải thông báo cho đơn vị liên kết, báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt trước khi tổ chức tuyển sinh 3 tháng.

Điều 19. Đình chỉ tuyển sinh chương trình đào tạo

1. Đơn vị đào tạo bị đình chỉ tuyển sinh chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Không bảo đảm một trong các điều kiện mở chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 15, Điều 16, Quy chế này;

b) Không tuyển sinh được trong 3 năm liên tiếp;

c) Tổ chức tuyển sinh và đào tạo ngoài địa điểm đã được phép đào tạo;

d) Vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức độ phải đình chỉ;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ra quyết định đình chỉ tuyển sinh, trong đó nêu rõ lý do đình chỉ tuyển sinh, thời hạn đình chỉ tuyển sinh, các biện pháp cụ thể đảm bảo quyền lợi của học viên, giảng viên.

3. Sau khi khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ tuyển sinh, đơn vị đào tạo có thể đề nghị Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, quyết định cho phép tuyển sinh trở lại.

Điều 20. Thu hồi quyết định giao nhiệm vụ đào tạo

1. Đơn vị đào tạo bị thu hồi quyết định giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Có hành vi gian lận để được giao nhiệm vụ đào tạo các chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về quản lý, tổ chức, đào tạo các chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

c) Hết thời hạn đình chỉ tuyển sinh chuyên ngành đào tạo mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ tuyển sinh;

d) Không đạt tiêu chuẩn tại các kì kiểm định chất lượng theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội;

đ) Vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức độ phải thu hồi;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định thu hồi nhiệm vụ đào tạo, trong đó nêu rõ lí do thu hồi, các biện pháp cụ thể đảm bảo quyền lợi của học viên, giảng viên.

Chương III **TUYỂN SINH**

Điều 21. Chỉ tiêu tuyển sinh

1. Trước 30 tháng 6 hàng năm, căn cứ vào năng lực đào tạo của đơn vị, nhu cầu của xã hội và khả năng có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, đơn vị đào tạo xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh của từng chuyên ngành, từng hình thức đào tạo với chương trình đào tạo tương ứng cho năm học tiếp theo, báo cáo và đề nghị Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

2. Đại học Quốc gia Hà Nội giao chỉ tiêu tuyển sinh cho từng đơn vị. Dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh được giao, đơn vị đào tạo phân bổ chỉ tiêu, tổ chức tuyển sinh và tổ chức đào tạo cho các chuyên ngành đào tạo của đơn vị mình.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh của khóa học nào được thực hiện trong khóa học đó, không chuyển sang khóa học sau.

Điều 22. Điều kiện dự tuyển đào tạo thạc sĩ

1. Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng (hoặc phù hợp) với chuyên ngành đăng kí dự thi; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành gần với ngành có chuyên ngành đăng kí dự thi, đã học bổ túc kiến thức để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành có chuyên ngành dự thi;

Riêng đối với các chuyên ngành ngoại ngữ, nếu người dự thi đăng kí thi vào chuyên ngành đúng với bằng tốt nghiệp đại học hệ không chính quy thì phải có thêm bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy của một ngành ngoại ngữ khác;

c) Có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành đăng kí dự thi (tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi), trừ người có bằng tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên, ngành đúng (hoặc phù hợp) với chuyên ngành đăng kí dự thi;

d) Có đủ sức khỏe để học tập;

đ) Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo.

2. Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ đạt chuẩn quốc tế phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện như đối với thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội quy định tại Khoản 1, Điều này, ngoài ra còn phải:

a) Có bản gốc chứng chỉ tiếng Anh IELTS 4.0, TOEFL 400 điểm trở lên hoặc tương đương do Trường Đại học Ngoại ngữ cấp hoặc tổ chức thẩm định. Các chứng chỉ này có giá trị trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày cấp hoặc ngày dự thi;

b) Có cam kết tham gia khóa học theo hình thức tập trung.

3. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế

a) Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện như đối với thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội quy định tại Khoản 1, Điều này và điều kiện ngoại ngữ do hai đối tác thỏa thuận (nếu có).

b) Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội và đối tác nước ngoài cấp bằng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện như đối với thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội quy định tại Khoản 1, Điều này và đáp ứng các yêu cầu do đối tác nước ngoài đặt ra (nếu có).

c) Chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do đối tác nước ngoài cấp bằng: điều kiện dự tuyển theo thỏa thuận giữa đơn vị đào tạo và đối tác, được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

4. Đối với những chương trình đào tạo thạc sĩ liên quan tới nhiều đơn vị và các chương trình đặc biệt khác, điều kiện dự tuyển do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quy định.

Điều 23. Điều kiện dự tuyển đào tạo tiến sĩ

1. Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Đáp ứng một trong các điều kiện về văn bằng và công trình đã công bố như sau:

- Có bằng thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu hoặc có luận văn thạc sĩ với khối lượng từ 10 tín chỉ trở lên chuyên ngành đúng hoặc phù hợp hoặc gần chuyên ngành đăng kí dự tuyển;

- Có bằng thạc sĩ theo định hướng thực hành chuyên ngành đúng hoặc phù hợp hoặc gần chuyên ngành đăng kí dự tuyển và có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển;

- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành khác và có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng kí dự tuyển. Trong trường hợp này, thí sinh phải có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển và phải dự tuyển theo chế độ như người chưa có bằng thạc sĩ;

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, loại giỏi trở lên và có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển;

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, loại khá và có ít nhất hai bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

Nội dung các bài báo phải phù hợp với chuyên ngành đăng kí dự tuyển và được công bố trên tạp chí khoa học của Đại học Quốc gia Hà Nội, các tạp chí khoa học có uy tín cấp quốc gia, quốc tế hoặc trong tuyển tập công trình (có phản biện) của Hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế được xuất bản chính thức;

c) Được giới thiệu từ ít nhất hai nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ cùng chuyên ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu, trong đó có một nhà khoa học nhận hướng dẫn luận án;

d) Có đề cương nghiên cứu, trong đó trình bày rõ về lí do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, lí do lựa chọn cơ sở đào tạo, mục tiêu nghiên cứu, kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn mà thí sinh đã chuẩn bị và dự kiến kế hoạch hoạt động khoa học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ;

đ) Điều kiện về kinh nghiệm công tác theo quy định của chương trình đào tạo;

e) Đạt các điều kiện như quy định tại Điểm d và e, Khoản 1, Điều 22 của Quy chế này.

2. Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ đạt chuẩn quốc tế phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện như đối với thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội quy định tại Khoản 1, Điều này, ngoài ra còn phải:

a) Có bản gốc chứng chỉ tiếng Anh IELTS 4.5, TOEFL 450 điểm trở lên hoặc tương đương do Trường Đại học Ngoại ngữ cấp hoặc tổ chức thẩm định. Các chứng chỉ này có giá trị trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày cấp hoặc ngày dự thi;

b) Có cam kết tham gia khóa học theo hình thức tập trung.

3. Đối với chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế

a) Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện như đối với thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội quy định tại Khoản 1, Điều này.

b) Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội và đối tác nước ngoài cùng cấp bằng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện như đối với thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội quy định tại Khoản 1, Điều này và đáp ứng các yêu cầu theo thỏa thuận giữa đơn vị đào tạo và đối tác, được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

c) Chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế do đối tác nước ngoài cấp bằng: điều kiện dự tuyển theo thỏa thuận giữa đơn vị đào tạo và đối tác, được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

4. Đối với những chương trình đào tạo tiến sĩ liên quan tới nhiều đơn vị và các chương trình đặc biệt khác, điều kiện dự tuyển do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quy định.

Điều 24. Môn thi tuyển sinh

1. Thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ áp dụng cho các chương trình đào tạo do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng hoặc cùng cấp bằng.

2. Các môn thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ gồm: môn thi cơ bản, môn thi cơ sở và môn thi ngoại ngữ.

a) Môn thi cơ bản và môn thi cơ sở cho các chuyên ngành đào tạo do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quy định và ban hành theo đề nghị của thủ trưởng đơn vị đào tạo.

Khi cần điều chỉnh, bổ sung đề cương môn thi hoặc thay đổi môn thi, đơn vị đào tạo báo cáo bằng văn bản trình Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, phê duyệt trước kì thi tuyển sinh sau đại học hàng năm ít nhất 06 tháng. Việc thay đổi môn thi phải được hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị thông qua.

b) Căn cứ vào yêu cầu của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra ngoại ngữ của chương trình đào tạo, thủ trưởng đơn vị đào tạo đề nghị Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt môn thi ngoại ngữ trong tuyển sinh, trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển theo từng ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và các cách thức đánh giá năng lực phù hợp.

3. Môn thi tuyển sinh cho các chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do đối tác nước ngoài cấp bằng theo thỏa thuận của đơn vị đào tạo và đối tác nước ngoài, được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

Điều 25. Tổ chức tuyển sinh đào tạo thạc sĩ

1. Việc tổ chức thi tuyển sinh đào tạo thạc sĩ được tổ chức thống nhất đối với các chương trình đào tạo do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng hoặc cùng cấp bằng.

a) Hàng năm, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định thành lập Ban chỉ đạo tuyển sinh sau đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội (gọi tắt là Ban chỉ đạo tuyển sinh). Ban Đào tạo là đơn vị thường trực của Ban chỉ đạo tuyển sinh, là đầu mối để thực thi việc chỉ đạo, giám sát, kiểm tra, thanh tra của Đại học Quốc gia Hà Nội về công tác tuyển sinh và giải quyết các vấn đề nảy sinh.

b) Hội đồng tuyển sinh sau đại học

Thủ trưởng các đơn vị đào tạo quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh sau đại học của đơn vị mình và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội (qua Ban Đào tạo). Hội đồng tuyển sinh sau đại học của các đơn vị có nhiệm vụ điều hành những công việc liên quan đến công tác tuyển sinh thuộc trách nhiệm của đơn vị mình gồm:

- Tổ chức thông báo tuyển sinh, trong đó cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho thí sinh, đặc biệt là điều kiện dự thi, điều kiện về đối tượng ưu tiên và điều kiện về đối tượng được hưởng kinh phí hỗ trợ đào tạo từ ngân sách nhà nước;

- Thu nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ thí sinh đăng kí dự thi theo đúng đối tượng, tiêu chuẩn và điều kiện dự thi. Thu nhận bản gốc các chứng chỉ ngoại ngữ cần thẩm định và chuyển cho Trường Đại học Ngoại ngữ thẩm định trước khi thi;
- Cung cấp cho thí sinh đăng kí dự thi đề cương các môn thi tuyển;
- Tổ chức cho thí sinh dự thi theo đúng trách nhiệm được phân công;
- Xét tuyển, quyết định công nhận hoặc đề nghị Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định công nhận học viên, nghiên cứu sinh (theo phân cấp nhiệm vụ của Đại học Quốc gia Hà Nội).

Trường Đại học Ngoại ngữ tiếp nhận hồ sơ của các thí sinh đăng kí chỉ dự thi môn ngoại ngữ để lấy Chứng chỉ ngoại ngữ xác nhận trình độ dự tuyển đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội và tổ chức cho các thí sinh dự thi theo đúng trách nhiệm được phân công; thẩm định giá trị và tính hợp lệ các chứng chỉ ngoại ngữ do các đơn vị yêu cầu và chuyển kết quả thẩm định cho các đơn vị.

c) Hội đồng thi

- Hàng năm, căn cứ vào năng lực, kinh nghiệm tổ chức thi tuyển sinh và số lượng thí sinh đăng kí dự thi tại các hội đồng tuyển sinh sau đại học của các đơn vị, Đại học Quốc gia Hà Nội giao nhiệm vụ tổ chức thi cho các hội đồng tuyển sinh sau đại học phù hợp được gọi là các hội đồng thi;

- Công tác tổ chức thực hiện thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ tại các hội đồng thi được thực hiện theo Quy định hiện hành về công tác tổ chức thi tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh sau đại học hàng năm của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Việc tổ chức tuyển sinh đào tạo thạc sĩ cho các chương trình đào tạo liên kết quốc tế do đối tác nước ngoài cấp bằng được thực hiện theo thỏa thuận giữa đơn vị đào tạo và đối tác, được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

Điều 26. Tổ chức tuyển sinh đào tạo tiến sĩ

1. Việc tuyển sinh đào tạo tiến sĩ cho các loại chương trình đào tạo do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng hoặc cùng cấp bằng được tổ chức theo hình thức xét tuyển thông qua việc đánh giá hồ sơ chuyên môn tại các tiểu ban chuyên môn và việc đáp ứng yêu cầu về trình độ ngoại ngữ.

a) Hồ sơ chuyên môn và tiểu ban chuyên môn

- Hồ sơ chuyên môn được trích từ hồ sơ đăng kí dự tuyển của thí sinh bao gồm: bảng điểm học tập trình độ thạc sĩ hoặc đại học; các văn bản xác nhận giải thưởng khoa học đạt được và bản chụp các bài báo khoa học đã công bố (nếu có); bản gốc chứng chỉ ngoại ngữ TOEFL hoặc IELTS (nếu có) để thẩm định như quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 25, Quy chế này; hai thư giới thiệu; đề cương nghiên cứu sinh;

- Tiểu ban chuyên môn được thành lập cho một chuyên ngành, có ít nhất 5 thành viên bao gồm: 1 trưởng tiểu ban, 1 thư kí và các ủy viên. Thành viên của tiểu ban chuyên môn là cán bộ khoa học, giảng viên trong hoặc ngoài đơn vị đào tạo, đặc biệt là các nhà khoa học dự kiến làm cán bộ hướng dẫn luận án nếu thí sinh trúng tuyển;

Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm xem xét đánh giá hồ sơ chuyên môn của thí sinh và tổng hợp các kết quả gửi về hội đồng tuyển sinh sau đại học của đơn vị.

b) Các tiêu chí đánh giá hồ sơ chuyên môn

Hồ sơ chuyên môn được đánh giá theo thang điểm 100 với các tiêu chí sau đây:

- Kết quả học tập ở trình độ thạc sĩ hoặc đại học dựa trên điểm trung bình chung các môn học ở bậc đào tạo thạc sĩ hoặc cử nhân có tính đến uy tín chất lượng của đơn vị đã đào tạo;

- Thành tích nghiên cứu khoa học dựa trên các giải thưởng nghiên cứu khoa học hoặc các bài báo khoa học;

- Năng lực ngoại ngữ dựa trên kết quả các chứng chỉ ngoại ngữ;

- Ý kiến đánh giá và ủng hộ trong hai thư giới thiệu dựa trên mức độ ủng hộ trong thư giới thiệu có cân nhắc tới tính khách quan và xác thực;

- Tính khả thi, chất lượng của bài luận về dự định nghiên cứu. Trong bài luận phải trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lí do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong từng thời kì của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn.

c) Quy trình tổ chức thực hiện đánh giá hồ sơ chuyên môn

- Hội đồng tuyển sinh sau đại học các đơn vị thu nhận hồ sơ chuyên môn và chuyển danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cho các đơn vị chuyên môn;

- Chủ tịch hội đồng tuyển sinh sau đại học của đơn vị đào tạo quyết định thành lập tiểu ban chuyên môn cho từng chuyên ngành dựa trên số lượng thí sinh dự tuyển;

- Tiểu ban chuyên môn họp dưới sự giám sát của hội đồng tuyển sinh sau đại học để đánh giá hồ sơ chuyên môn và cách trình bày của thí sinh. Kết quả điểm đánh giá hồ sơ chuyên môn của thí sinh là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên tiểu ban chuyên môn. Thí sinh đủ điều kiện xét tuyển là thí sinh đạt tối thiểu 50 điểm, trong đó điểm chấm cho đề cương nghiên cứu sinh phải đạt tối thiểu 50% số điểm tối đa của phần này;

- Tiểu ban chuyên môn nộp về hội đồng tuyển sinh sau đại học của đơn vị tài liệu buổi họp đánh giá gồm: biên bản buổi họp; phiếu đánh giá hồ sơ chuyên môn của các thành viên tiểu ban chuyên môn cho từng thí sinh; bảng tổng hợp kết quả điểm đánh giá của các thí sinh.

d) Đối với thí sinh dự tuyển đào tạo tiến sĩ theo chế độ của người chưa có bằng thạc sĩ, ngoài các yêu cầu về hồ sơ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ như trên phải tham dự và đạt yêu cầu các môn thi cơ bản và môn thi cơ sở của trình độ thạc sĩ tương ứng.

2. Việc tổ chức tuyển sinh đào tạo tiến sĩ cho các chương trình đào tạo liên kết quốc tế do đối tác nước ngoài cấp bằng thực hiện theo thỏa thuận giữa đơn vị đào tạo và đối tác, được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

Điều 27. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Người dự thi thuộc một trong những đối tượng sau được ưu tiên trong tuyển sinh đào tạo sau đại học:

a) Có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày dự thi) tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn ở các địa phương thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo theo quy định của Chính phủ;

b) Thương binh, bệnh binh, người có giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;

c) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách mạng;

d) Người dân tộc thiểu số ở những vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Các đối tượng ưu tiên phải có đủ các giấy tờ minh chứng hợp lệ theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và phải nộp đầy đủ, đúng thời hạn cùng với hồ sơ đăng ký dự thi. Các đối tượng được ưu tiên theo Điểm a, Khoản 1, Điều này phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc biệt phái công tác của cấp có thẩm quyền và xác nhận của chính quyền địa phương nơi công tác.

3. Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng thêm 10 điểm (thang điểm 100) cho môn ngoại ngữ và 1 điểm (thang điểm 10) cho môn cơ bản. Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng một lần ưu tiên.

Điều 28. Tổ chức xét chuyển tiếp sinh

1. Điều kiện xét chuyển tiếp sinh

a) Sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy của Đại học Quốc gia Hà Nội được xét chuyển tiếp sinh đào tạo thạc sĩ trong năm tốt nghiệp nếu có đủ những điều kiện sau:

- Ngành tốt nghiệp đại học đúng với chuyên ngành đào tạo thạc sĩ;

- Tổng điểm trung bình chung tích lũy toàn khoá và điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học đạt từ 3,5 trở lên;

- Đạt điều kiện về môn ngoại ngữ tuyển sinh đào tạo thạc sĩ ở Đại học Quốc gia Hà Nội tại thời điểm xét hồ sơ;

- Có nguyện vọng và được đơn vị đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội chấp nhận;

b) Sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy của Đại học Quốc gia Hà Nội được xét chuyển tiếp sinh đào tạo tiến sĩ trong năm tốt nghiệp nếu có đủ những điều kiện sau:

- Ngành tốt nghiệp đại học đúng với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ;

- Tổng điểm trung bình chung tích lũy toàn khoá và điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học đạt từ 3,7 trở lên;

- Đạt điều kiện về môn ngoại ngữ tuyển sinh đào tạo tiến sĩ ở Đại học Quốc gia Hà Nội tại thời điểm xét hồ sơ;

- Có nguyện vọng và được đơn vị đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội chấp nhận.

c) Sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy của các cơ sở đào tạo đại học không thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội được xét chuyển tiếp sinh đào tạo thạc sĩ trong năm tốt nghiệp nếu có đủ những điều kiện sau:

- Ngành tốt nghiệp đại học đúng với chuyên ngành đào tạo thạc sĩ;
- Tổng điểm trung bình chung tích lũy toàn khoá và điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học đạt từ 3,7 trở lên;
- Đạt điều kiện về môn ngoại ngữ tuyển sinh đào tạo thạc sĩ ở Đại học Quốc gia Hà Nội tại thời điểm xét hồ sơ;
- Có nguyện vọng và được đơn vị đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội chấp nhận.

d) Sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy của các cơ sở đào tạo đại học không thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội nhưng có uy tín về chất lượng đào tạo của ngành đã học (ngành và cơ sở đào tạo cụ thể do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định) được xét chuyên tiếp sinh đào tạo thạc sĩ hoặc tiến sĩ trong năm tốt nghiệp theo các điều kiện như đối với sinh viên hệ chính quy của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Quy định về mức điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học

a) Đối với công trình nghiên cứu khoa học sinh viên:

- Đạt giải thưởng cấp Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: giải nhất: 0,2 điểm; giải nhì: 0,15 điểm; giải ba: 0,1 điểm; giải khuyến khích: 0,07 điểm;
- Đạt giải thưởng cấp trường hoặc cấp khoa trực thuộc: giải nhất: 0,1 điểm; giải nhì: 0,07 điểm; giải ba: 0,05 điểm.

b) Đối với bài báo khoa học đăng ở tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học (có phản biện): cấp quốc tế: 0,2 điểm; cấp quốc gia: 0,15 điểm; cấp cơ sở: 0,1 điểm;

c) Nếu công trình nghiên cứu khoa học hoặc các bài báo khoa học do nhiều người thực hiện thì điểm thưởng được chia đều cho số người tham gia. Sinh viên có nhiều thành tích thì được tích lũy điểm thưởng nhưng không quá 0,5 điểm;

d) Mức điểm thưởng cho các thành tích khác về nghiên cứu khoa học do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, quyết định cụ thể cho từng trường hợp.

3. Tổ chức xét chuyên tiếp sinh

Hàng năm, việc xét chuyên tiếp sinh đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ được tổ chức cùng thời gian với kì thi tuyển sinh sau đại học.

Thí sinh đủ điều kiện chuyển tiếp sinh đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ có thể được chọn ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp tại một đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội nếu được đơn vị đào tạo đó đồng ý và được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

Đơn vị đào tạo thu nhận hồ sơ đề nghị xét chuyên tiếp sinh, tổ chức thẩm định cấp cơ sở và lập danh sách các thí sinh đủ điều kiện trình Đại học Quốc gia Hà Nội (qua Ban Đào tạo). Ban Đào tạo tiếp nhận công văn, danh sách và hồ sơ đề nghị xét chuyên tiếp sinh của đơn vị đào tạo, thẩm định cấp Đại học Quốc gia Hà Nội và thông báo kết quả cho đơn vị đào tạo.

Thí sinh được phê duyệt thuộc diện chuyển tiếp sinh sẽ được công nhận là học viên, nghiên cứu sinh và triệu tập học cùng các thí sinh trúng tuyển cùng kì thi.

Điều 29. Xét tuyển học viên và nghiên cứu sinh người nước ngoài

1. Người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài được xét tuyển vào học tại Đại học Quốc gia Hà Nội, gọi chung là lưu học sinh gồm:

a) Lưu học sinh theo hiệp định kí kết giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước ngoài;

b) Lưu học sinh theo hợp tác kí kết giữa Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc giữa đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội với cơ sở đào tạo hoặc tổ chức giáo dục nước ngoài;

c) Lưu học sinh theo hình thức tự đăng kí.

2. Điều kiện xét tuyển

a) Có đủ trình độ và năng lực học vấn, chuyên môn đáp ứng các yêu cầu học tập, nghiên cứu của chương trình đào tạo. Cụ thể như sau:

- Đối với trình độ thạc sĩ: tốt nghiệp trình độ đại học ngành học phù hợp với chuyên ngành đào tạo thạc sĩ đăng kí dự học;

- Đối với trình độ tiến sĩ: tốt nghiệp trình độ thạc sĩ chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ đăng kí dự học hoặc tốt nghiệp trình độ đại học loại giỏi trở lên ngành phù hợp với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ đăng kí dự học và có công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố có nội dung phù hợp với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ đăng kí dự học;

- Lưu học sinh học chuyển tiếp theo chương trình trao đổi được kí kết giữa Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội với cơ sở đào tạo ở nước ngoài được tiếp nhận và bố trí học tập theo văn bản thỏa thuận giữa hai bên;

b) Có đủ trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của chương trình đào tạo. Cụ thể như sau:

- Đạt yêu cầu tại kì kiểm tra trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ (nếu theo học chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngoại ngữ tương ứng). Việc kiểm tra do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (đối với tiếng Việt) và Trường Đại học Ngoại ngữ (đối với ngoại ngữ) tổ chức thực hiện;

- Các đối tượng được miễn kiểm tra tiếng Việt: đã tốt nghiệp đại học ngành tiếng Việt tại nước ngoài; tốt nghiệp lớp dự bị tiếng Việt tại các cơ sở đào tạo phù hợp được Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận; tốt nghiệp chương trình đại học mà ngôn ngữ sử dụng trong học tập là tiếng Việt;

- Các đối tượng được miễn kiểm tra ngoại ngữ: là công dân nước sử dụng ngoại ngữ cần dùng như ngôn ngữ chính thức; đã tốt nghiệp chương trình đại học học bằng ngoại ngữ cần dùng; có bản gốc chứng chỉ ngoại ngữ do cơ sở đào tạo chuyên ngành Việt Nam hoặc nước ngoài cấp được Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận;

c) Có dự kiến đề tài, kế hoạch học tập và đề cương nghiên cứu phù hợp (đối với người dự tuyển bậc tiến sĩ);

d) Được ít nhất 1 nhà khoa học (đối với người dự tuyển bậc thạc sĩ) hoặc 2 nhà khoa học (ít nhất có 1 người Việt Nam) (đối với người dự tuyển bậc tiến sĩ) cùng chuyên ngành đăng kí dự tuyển giới thiệu;

đ) Đủ sức khoẻ để học tập, nghiên cứu theo xác nhận của các cơ quan y tế có thẩm quyền;

e) Có minh chứng về khả năng đảm bảo tài chính để học tập, nghiên cứu và sinh hoạt.

3. Quy trình xét tuyển

a) Đơn vị đào tạo thành lập hội đồng xét tuyển để xem xét, đánh giá trình độ và năng lực học vấn chuyên môn; trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ; sức khoẻ và điều kiện tài chính của người dự tuyển thông qua thẩm định hồ sơ và kiểm tra, phỏng vấn. Đối với người đăng kí dự tuyển bậc tiến sĩ, đơn vị đào tạo tổ chức đánh giá đề cương nghiên cứu và khả năng thực hiện đề tài nghiên cứu của người dự tuyển tại đơn vị đào tạo;

b) Ban Đào tạo chủ trì, phối hợp với Ban Quan hệ Quốc tế thẩm định hồ sơ, trình Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

Điều 30. Công nhận trúng tuyển và triệu tập nhập học

1. Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được phê duyệt, đơn vị đào tạo gửi giấy báo nhập học đến thí sinh được tuyển chọn.

2. Sau khi thí sinh đăng kí nhập học chính thức, các trường đại học thành viên quyết định công nhận học viên, nghiên cứu sinh của đơn vị mình và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội chậm nhất 1 tháng tính từ thời điểm nhập học; các viện, khoa và trung tâm gửi danh sách đề nghị Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định công nhận học viên, nghiên cứu sinh cho đơn vị mình.

3. Chậm nhất một tuần sau khi nhập học, học viên và nghiên cứu sinh phải khai báo đầy đủ thông tin cá nhân theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (theo yêu cầu của hệ thống thông tin tích hợp) và của đơn vị đào tạo.

4. Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định về đề tài luận án, tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Đơn vị đào tạo tổ chức khai giảng năm học mới theo kế hoạch chung của Đại học Quốc gia Hà Nội và phù hợp với điều kiện của đơn vị.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 31. Khóa đào tạo, năm học, học kì và thời gian đào tạo

1. Chương trình đào tạo được thực hiện theo khóa đào tạo (khóa học), năm học và học kì. Mỗi năm học được chia thành hai học kì.

2. Thời gian đào tạo

a) Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ từ 1 năm đến 2 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

- Đối với các ngành đào tạo trình độ đại học có thời gian đào tạo từ 5 năm trở lên: thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ tối thiểu là 1 năm.

- Đối với các ngành đào tạo trình độ đại học có thời gian đào tạo từ 4,5 năm trở xuống: thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ là 1,5 năm đến 2 năm.

b) Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục; đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 4 năm tập trung liên tục. Trường hợp nghiên cứu sinh không theo học tập trung liên tục được và được thủ trưởng đơn vị đào tạo chấp nhận thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải có tổng thời gian học và nghiên cứu như quy định trên, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại đơn vị đào tạo để thực hiện đề tài nghiên cứu.

c) Thời gian kéo dài được phép là 1 năm cho đào tạo thạc sĩ và 2 năm cho đào tạo tiến sĩ.

Điều 32. Tổ chức lớp học

1. Lớp khóa học

a) Lớp khóa học được tổ chức cho những người cùng một chương trình đào tạo trong cùng một khóa học và ổn định từ đầu đến cuối mỗi khóa học nhằm quản lý người học, duy trì các hoạt động đoàn thể, các phong trào thi đua, các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, thể thao trong quá trình học tập. Trường hợp người học được phép nghỉ học tạm thời khi trở lại học tập được bố trí vào lớp khóa học phù hợp với khối lượng kiến thức đã tích lũy nhưng giữ nguyên mã người học đã được cấp;

b) Đơn vị đào tạo bố trí cán bộ phụ trách để tổ chức và quản lý lớp khóa học. Cán bộ phụ trách lập kế hoạch học tập cho từng học kỳ và kế hoạch cho toàn khóa học, tổ chức các hoạt động khác liên quan tới lớp học;

c) Tên lớp khóa học được gọi tên theo chuyên ngành và năm nhập học, có mã hiệu theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường hợp một chuyên ngành được tuyển sinh và tổ chức đào tạo tại nhiều đơn vị trong cùng một năm, tên lớp khóa học bổ sung mã số đơn vị.

2. Lớp môn học

a) Lớp môn học được tổ chức cho những người đăng ký học cùng một môn học trong cùng một học kỳ. Đơn vị đào tạo phụ trách môn học có trách nhiệm thành lập và quản lý lớp môn học;

b) Đơn vị đào tạo tổ chức giảng dạy các môn học thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị mình theo lớp môn học. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp môn học tùy theo từng môn học, đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất của đơn vị. Lớp môn học sẽ không được tổ chức nếu số người học đăng ký ít hơn số lượng tối thiểu đã quy định, khi đó người học có thể đăng ký học môn học khác hoặc đăng ký vào những học kỳ sau;

c) Giảng viên môn học trực tiếp phụ trách lớp môn học;

d) Tên lớp môn học được gọi theo mã số môn học. Trường hợp một môn học có nhiều lớp môn học, tên lớp môn học bổ sung số thứ tự lớp môn học. Trường hợp một

môn học có nhiều đơn vị đào tạo tổ chức giảng dạy, tên lớp môn học bổ sung mã số đơn vị.

Điều 33. Đăng kí học tập

1. Số tín chỉ đăng kí học trong mỗi học kì (trừ thời gian thực hiện chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận thạc sĩ, luận văn, luận án):

- Chương trình đào tạo chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội: tối thiểu 6 tín chỉ và tối đa 18 tín chỉ;

- Chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế: tối thiểu 12 tín chỉ và tối đa 18 tín chỉ;

- Chương trình đào tạo liên kết quốc tế: theo thỏa thuận giữa đơn vị đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội và đối tác.

Trường hợp người học có nguyện vọng đăng kí học ít hơn số tín chỉ tối thiểu trong một học kì phải được sự đồng ý của Thủ trưởng đơn vị đào tạo.

2. Đăng kí học các môn học

a) Việc tổ chức đăng kí học các môn học trong chương trình đào tạo do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định tùy theo khả năng và điều kiện cụ thể của đơn vị mình. Người học được đăng kí học và thi các môn học trong chương trình đào tạo do bất kì một đơn vị đào tạo nào thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội được đơn vị quản lí môn học ủy quyền tổ chức giảng dạy. Kết quả các môn học này được chuyển đổi và được thừa nhận ở tất cả các đơn vị đào tạo trong Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Các đơn vị đào tạo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và trên trang web của đơn vị về kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu của các môn học trước thời gian đăng kí học để người học trong và ngoài đơn vị biết, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người học của đơn vị khác đăng kí môn học, chuyển dữ liệu đăng kí môn học, dữ liệu điểm môn học của người học tới đơn vị đào tạo quản lí người học ngay sau khi kết thúc thời gian đăng kí học và kết thúc việc chấm thi;

c) Tất cả các đơn vị đào tạo sử dụng thống nhất trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội phần mềm và cơ sở dữ liệu quản lí đào tạo, quản lí người học.

3. Thời gian đăng kí môn học và đề tài luận văn, luận án

a) Các môn học trong chương trình đào tạo thạc sĩ được đăng kí học theo học kì;

b) Các chuyên đề tiến sĩ phần bắt buộc phải được đăng kí học tập và hoàn thành trong năm học đầu tiên của chương trình đào tạo tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ phần tự chọn phải được đăng kí học tập và hoàn thành ít nhất 6 tháng trước khi bảo vệ luận án cấp cơ sở;

c) Đề tài tiểu luận thạc sĩ và các giảng viên phụ trách được thủ trưởng các viện, khoa và trung tâm hoặc khoa chuyên môn của các trường đại học thành viên phê duyệt trước khi kết thúc thời gian đào tạo 6 tháng;

d) Đề tài luận văn và cán bộ hướng dẫn luận văn cho học viên được đơn vị chuyên môn đề nghị và thủ trưởng cơ sở đào tạo phê duyệt trước khi kết thúc thời gian đào tạo 12 tháng;

d) Đề tài luận án và cán bộ hướng dẫn luận án cho nghiên cứu sinh được đơn vị chuyên môn đề nghị căn cứ trên đề tài đã được đánh giá trong quá trình xét tuyển và thủ trưởng cơ sở đào tạo phê duyệt muộn nhất là 3 tháng sau khi nhập học đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ đúng ngành hoặc 3 tháng sau khi kết thúc các môn học của chương trình bậc thạc sĩ đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ đúng ngành.

4. Đăng kí học lại

a) Đối với các môn học bắt buộc, nếu bị điểm F, người học phải đăng kí học lại môn học đó;

b) Đối với môn học tự chọn, nếu bị điểm F, người học đăng kí học lại môn học đó hoặc đăng kí học môn học tự chọn khác cùng khối kiến thức để thay thế.

5. Đăng kí học cải thiện điểm

Đối với các môn học đạt điểm D trở lên, người học được đăng kí học lại môn học đó hoặc học đổi sang môn học khác (nếu là môn học tự chọn) để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Điểm môn học cũ bị hủy bỏ khi việc đăng kí học lại để cải thiện điểm được chấp nhận và sẽ được thay bằng điểm môn học để cải thiện điểm. Người học chỉ được đăng kí học cải thiện điểm một lần cho mỗi môn học.

6. Đăng kí môn học được bảo lưu

Đối với người học đã có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ, người học chuyển cơ sở đào tạo, người học ngừng học hoặc thôi học, căn cứ chương trình đào tạo, thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định những môn học được bảo lưu. Điểm các môn học được bảo lưu phải xác định trước khi bắt đầu thực hiện kế hoạch học tập chương trình mới. Trong thời hạn đăng kí môn học, người học chỉ cần đăng kí khối lượng học tập đối với những môn học không được bảo lưu trong chương trình đào tạo.

7. Kết quả đăng kí môn học

Đơn vị đào tạo thông báo kết quả đăng kí môn học cho người học khi đã hoàn thành việc đăng kí đảm bảo khối lượng học tập tối thiểu của học kì theo quy định.

Kết quả đăng kí môn học chỉ được chấp thuận sau khi người học hoàn thành các khoản đóng góp kinh phí theo quy định.

8. Thời hạn bảo lưu kết quả môn học do đơn vị đào tạo quản lí môn học quy định nhưng không vượt quá 5 năm tính từ ngày thi kết thúc môn học.

Điều 34. Đánh giá kết quả môn học

1. Điểm đánh giá môn học (gọi là điểm môn học) là điểm trung bình có trọng số của các điểm đánh giá bộ phận (gồm điểm kiểm tra thường xuyên, điểm báo cáo thảo luận tại xemina, điểm kiểm tra định kì trên lớp...) và điểm thi kết thúc môn học. Trọng số của các điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc môn học được quy định trong đề cương môn học và được công bố cho người học biết ngay khi bắt đầu học môn học, trong đó điểm thi kết thúc môn học là bắt buộc và có trọng số không dưới 60%.

2. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định và giao nhiệm vụ cho các giảng viên môn học và các bộ phận liên quan tổ chức kiểm tra và thi kết thúc môn học.

3. Các điểm bộ phận và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm từ 0 đến 10, lẻ đến 0,5. Điểm môn học được tính theo trọng số và làm tròn đến một chữ số thập phân và được chuyển thành điểm chữ với các mức như sau:

| | | |
|-----------|---------------|----------------|
| 9,0 – 10 | tương ứng với | A ⁺ |
| 8,5 – 8,9 | tương ứng với | A |
| 8,0 – 8,4 | tương ứng với | B ⁺ |
| 7,0 – 7,9 | tương ứng với | B |
| 6,5 – 6,9 | tương ứng với | C ⁺ |
| 5,5 – 6,4 | tương ứng với | C |
| 5,0 – 5,4 | tương ứng với | D ⁺ |
| 4,0 – 4,9 | tương ứng với | D |
| Dưới 4,0 | tương ứng với | F |

Người học không dự kiểm tra, không dự thi kết thúc môn học thiếu lí do chính đáng sẽ nhận điểm không (điểm 0). Điểm đạt yêu cầu của môn học là điểm C trở lên.

4. Đối với môn học vì lí do chính đáng (được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và thủ trưởng đơn vị đào tạo chấp thuận) chưa có đủ dữ liệu để xác định điểm (do thiếu điểm kiểm tra, thiếu điểm thi kết thúc môn học), khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu I (điểm I). Người học có môn học điểm I phải dự kiểm tra bổ sung, dự thi kết thúc môn học bổ sung theo sự sắp xếp của đơn vị đào tạo để có đủ dữ liệu cho việc xác định điểm. Môn học chưa nhận được kết quả học tập của người học, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu X (điểm X). Khi có đầy đủ dữ liệu và nhận được kết quả học tập của người học, điểm I, điểm X sẽ được thay thế bằng điểm tương ứng.

Đối với những môn học được bảo lưu khi chuyển từ cơ sở đào tạo khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình đào tạo, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

5. Điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc môn học và điểm môn học phải được thông báo cho người học. Điểm môn học phải được ghi vào bảng điểm học tập của người học theo mẫu thống nhất do đơn vị đào tạo quy định. Điểm môn học của người học phải được lưu trong sổ điểm chung của đơn vị đào tạo.

6. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định việc bảo quản và lưu giữ bài thi và các hồ sơ liên quan đến bài thi.

Điều 35. Đánh giá chuyên đề tiến sĩ

1. Việc đánh giá chuyên đề tiến sĩ trong chương trình đào tạo tiến sĩ được thực hiện bằng cách chấm điểm bài trình bày của nghiên cứu sinh trước tiểu ban chấm thi.

2. Thủ trưởng các viện, khoa và trung tâm hoặc khoa chuyên môn của các trường đại học thành viên quyết định thành lập tiểu ban chấm thi gồm ba thành viên, là những người có học vị tiến sĩ hoặc có chức danh phó giáo sư trở lên có chuyên môn phù hợp và hiểu biết sâu về chuyên đề của nghiên cứu sinh.

3. Điểm đánh giá chuyên đề tiến sĩ là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên tiểu ban chấm thi được làm tròn đến một chữ số thập phân sau đó được chuyển thành điểm chữ theo quy định tại Khoản 3, Điều 34, Quy chế này. Điểm đạt yêu cầu của chuyên đề tiến sĩ là điểm C trở lên.

Điều 36. Tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kì và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ các môn học được quy đổi sang thang điểm 4 như sau:

| | | |
|----------------|---------------|-----|
| A ⁺ | tương ứng với | 4,0 |
| A | tương ứng với | 3,7 |
| B ⁺ | tương ứng với | 3,5 |
| B | tương ứng với | 3,0 |
| C ⁺ | tương ứng với | 2,5 |
| C | tương ứng với | 2,0 |
| D ⁺ | tương ứng với | 1,5 |
| D | tương ứng với | 1,0 |
| F | tương ứng với | 0 |

2. Điểm trung bình chung học kì và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau đây và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kì hoặc điểm trung bình chung tích lũy

i: là số thứ tự môn học

a_i: là điểm của môn học thứ i

n_i: là số tín chỉ của môn học thứ i

n: là tổng số môn học trong học kì hoặc tổng số môn học đã tích lũy.

Điểm trung bình chung học kì được sử dụng trong việc xét khen thưởng sau mỗi học kì. Điểm trung bình chung tích lũy được sử dụng trong việc xét cấp sinh hoạt phí, học bổng sau mỗi năm học, xét cho bảo vệ luận văn, luận án, xét khen thưởng cuối khoá, xét cho chuyển tiếp sinh và các tiêu chí thi đua khác.

Điều 37. Xử lý học vụ

Sau mỗi học kì, đơn vị đào tạo thực hiện xử lý học vụ.

1. Cảnh báo học vụ

Đầu mỗi học kì (từ học kỳ thứ 2 trở đi), đơn vị đào tạo cảnh báo đối với những học viên có điểm trung bình chung học kì đạt từ 0,8 đến dưới 0,85 đối với học kì đầu

của khóa học; đạt từ 1,0 đến dưới 1,1 đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt từ 1,1 đến dưới 1,2 đối với 2 học kỳ liên tiếp.

2. Thôi học

Học viên, nghiên cứu sinh được thôi học nếu có đơn xin thôi học và được thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định đồng ý.

3. Buộc thôi học

Sau mỗi học kỳ, học viên, nghiên cứu sinh bị buộc thôi học nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt dưới 1,1 đối với 2 học kỳ liên tiếp;

b) Vượt quá thời gian đào tạo đào tạo cho phép;

c) Bị kỉ luật vì lí do thi hộ, nhờ người thi hộ hoặc bị kỉ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách học viên, nghiên cứu sinh của đơn vị đào tạo.

4. Chuyển đổi chương trình đào tạo

a) Người học các chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế thuộc diện chưa bị buộc thôi học, nếu vi phạm một trong các trường hợp dưới đây sẽ được xem xét chuyển sang học chương trình đào tạo chuẩn của chuyên ngành khác trong cùng ngành học:

- Có điểm trung bình chung học kỳ tính đến thời điểm xét đạt dưới 2,0;

- Đã bị kỉ luật trong thời gian học từ mức khiển trách trở lên.

b) Trường hợp không có chương trình đào tạo chuẩn của chuyên ngành khác trong cùng ngành học tại Đại học Quốc gia Hà Nội, người học có thể được giới thiệu tới cơ sở đào tạo khác nếu được cơ sở này chấp nhận;

c) Trường hợp không thể chuyển đổi chương trình đào tạo hoặc cơ sở đào tạo, người học sẽ được xử lí thôi học như quy định tại Khoản 2, Điều này;

d) Cách thức chuyển cơ sở đào tạo, chuyển chuyên ngành học và chuyển kết quả học tập cho người học do Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 38. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Những thay đổi trong quá trình đào tạo thạc sĩ

a) Học viên có thể đổi chuyên ngành đào tạo một lần trong cùng ngành học, có chung các môn thi tuyển sinh và các môn học thuộc nhóm môn học bắt buộc của phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành. Việc đổi chuyên ngành đào tạo chỉ giải quyết khi có lí do chính đáng;

b) Học viên được coi là hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn nếu trong thời hạn đào tạo 2 năm đã bảo vệ thành công luận văn. Nếu quá thời hạn trên, học viên phải đóng thêm học phí theo quy định của đơn vị đào tạo. Nếu trong thời gian quá hạn 2 năm, học viên không hoàn thành chương trình đào tạo thì sẽ bị buộc thôi học;

c) Nghiên cứu sinh được coi là hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn nếu đã bảo vệ thành công luận án trước hội đồng đánh giá cấp cơ sở luận án trong thời

hạn 3 năm đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ và 4 năm đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học. Nếu quá thời hạn trên, nghiên cứu sinh được phép kéo dài tối đa 2 năm nhưng phải có đơn đề nghị, được cán bộ hướng dẫn đồng ý, đơn vị đào tạo chấp thuận và phải đóng thêm học phí theo quy định của đơn vị đào tạo. Nếu sau thời hạn kéo dài tối đa, nghiên cứu sinh không hoàn thành chương trình đào tạo sẽ bị buộc thôi học.

Trong thời hạn 2 năm kể từ khi bị buộc thôi học, nghiên cứu sinh có thể trở lại đơn vị đào tạo để bảo vệ luận án nếu được cơ quan đề nghị, cán bộ hướng dẫn đồng ý và đơn vị đào tạo chấp thuận. Trong trường hợp này, nghiên cứu sinh phải đóng kinh phí đọc phản biện độc lập, kinh phí tổ chức các hội đồng đánh giá và chấm luận án;

d) Những trường hợp thay đổi khác do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định.

2. Những thay đổi trong quá trình đào tạo tiến sĩ

a) Việc thay đổi đề tài luận án (mang ý nghĩa thay đổi hướng nghiên cứu) chỉ giải quyết khi có lí do chính đáng và phải được tiểu ban đánh giá đề cương do đơn vị đào tạo thành lập thông qua, thủ trưởng đơn vị đào tạo chấp thuận và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội. Thủ trưởng đơn vị đào tạo có thẩm quyền chấp nhận đề nghị của người hướng dẫn, chủ nhiệm bộ môn hoặc chủ nhiệm khoa thay đổi một phần tên đề tài, tên luận án nếu không thay đổi hướng nghiên cứu và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Việc bổ sung hoặc thay đổi cán bộ hướng dẫn chỉ thực hiện khi thật cần thiết và chậm nhất là một năm trước khi nghiên cứu sinh hết thời hạn đào tạo;

c) Nghiên cứu sinh được coi là hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn nếu đã bảo vệ thành công luận án trước hội đồng đánh giá cấp cơ sở luận án tiến sĩ trong thời hạn 3 năm đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ và 5 năm đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ. Nếu quá thời hạn trên, nghiên cứu sinh được phép kéo dài tối đa 2 năm nhưng phải đóng thêm học phí theo quy định của đơn vị đào tạo. Nếu sau thời hạn kéo dài tối đa, nghiên cứu sinh không hoàn thành chương trình đào tạo thì sẽ bị buộc thôi học.

Trong thời hạn 2 năm kể từ khi bị buộc thôi học, nghiên cứu sinh có thể trở lại đơn vị đào tạo để bảo vệ luận án nếu được cơ quan đề nghị, cán bộ hướng dẫn đồng ý và đơn vị đào tạo chấp thuận. Trong trường hợp này, nghiên cứu sinh phải đóng kinh phí đọc phản biện độc lập, kinh phí tổ chức các hội đồng đánh giá và chấm luận án;

d) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội chậm nhất 1 tháng sau khi quyết định về việc điều chỉnh, thay đổi đề tài luận án; bổ sung hoặc thay đổi cán bộ hướng dẫn; cho phép thôi học; buộc thôi học và thông báo kết quả học tập của nghiên cứu sinh của đơn vị mình cho địa phương nơi người học có hộ khẩu thường trú (đối với những người đi học theo diện tự do) hoặc cơ quan công tác (đối với những người đi học theo diện được cơ quan cử) được biết.

đ) Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ, đang trong thời hạn học tập, đã hoàn thành các môn học của chương trình đào tạo thạc sĩ, có nguyện vọng thực hiện luận

văn cùng hướng với đề tài nghiên cứu của luận án để nhận bằng thạc sĩ, được cán bộ hướng dẫn đồng ý, được cơ sở đào tạo chấp thuận, đáp ứng các yêu cầu của chương trình đào tạo thạc sĩ đúng thời hạn thì được xem xét để cấp bằng thạc sĩ. Học viên phải đóng kinh phí hoàn thành luận văn và cấp bằng thạc sĩ theo số tín chỉ của chương trình đào tạo. Thời gian hoàn thành luận văn tính vào thời gian đào tạo nghiên cứu sinh.

Điều 39. Chuyển đơn vị/cơ sở đào tạo

1. Học viên, nghiên cứu sinh có thể xin chuyển đến đơn vị hoặc cơ sở đào tạo khác (gọi chung là đơn vị đào tạo) trong hoặc ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội nếu có đủ các điều kiện sau:

- a) Có lí do chính đáng;
- b) Đang trong thời hạn đào tạo;
- c) Được đơn vị đào tạo xin chuyển đi và chuyển đến đồng ý.

Việc chấp nhận hay không chấp nhận kết quả học tập đã tích lũy, xác định các môn học cần bổ sung do đơn vị đào tạo mới quyết định.

2. Học viên, nghiên cứu sinh đang học tại một đơn vị đào tạo có chất lượng ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội được chuyển về học tại Đại học Quốc gia Hà Nội nếu có đủ các điều kiện sau:

- a) Người học có nguyện vọng chuyển về học tại Đại học Quốc gia Hà Nội;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập;
- c) Có tư cách đạo đức, ý thức tổ chức kỉ luật tốt, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- d) Không thuộc diện bị buộc thôi học và có điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,0 trở lên;
- đ) Được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị xin chuyển đi;
- e) Tham dự kiểm tra kiến thức và đạt điểm theo quy định của đơn vị đào tạo tiếp nhận.

3. Học viên, nghiên cứu sinh là người nước ngoài hoặc người Việt Nam đang học tại một đơn vị đào tạo ở nước ngoài đã được kiểm định chất lượng và có uy tín có thể được xét để chuyển về học tại Đại học Quốc gia Hà Nội khi có đủ các điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều này và phải nộp đầy đủ hồ sơ học viên, nghiên cứu sinh khi làm thủ tục chuyển trường.

Các điều kiện về trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ liên quan áp dụng quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 29 của Quy chế này.

Học viên, nghiên cứu sinh chuyển đơn vị đào tạo được bảo lưu điểm và số tín chỉ của môn học theo quy định tại Khoản 6, Điều 33 của Quy chế này.

4. Học viên, nghiên cứu sinh không được xem xét chuyển về học tại Đại học Quốc gia Hà Nội nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Đang chịu mức kỉ luật từ cảnh cáo trở lên;
- b) Không có đủ các điều kiện được quy định tại các Khoản 2 và 3 của Điều này.

5. Hiệu trưởng trường đại học thành viên quyết định và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội việc cho chuyển đi hoặc tiếp nhận học viên, nghiên cứu sinh chuyển tới đơn vị mình. Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định việc cho chuyển đi hoặc tiếp nhận học viên, nghiên cứu sinh của các viện, khoa và trung tâm.

Chương V

LUẬN VĂN, LUẬN ÁN

Điều 40. Yêu cầu đối với luận văn

1. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội

a) Đề tài luận văn trong chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu phải là một vấn đề về khoa học, công nghệ hoặc quản lý cụ thể. Nội dung luận văn trong chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu phải thể hiện được các kiến thức về lí thuyết và thực hành trong lĩnh vực chuyên môn, phương pháp giải quyết vấn đề đã đặt ra. Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập;

b) Đề tài luận văn trong chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng thực hành là một vấn đề, một nội dung cụ thể do yêu cầu của thực tiễn liên quan đến nội dung của chương trình đào tạo. Nội dung luận văn trong chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng thực hành phải thể hiện được một phần kiến thức về lí thuyết, đặc biệt là vận dụng lí thuyết, phương pháp nghiên cứu và những kiến thức, kĩ năng được trang bị trong quá trình học tập để xử lí một vấn đề, một nội dung nghiên cứu cụ thể liên quan đến nội dung của chương trình đào tạo;

c) Đề tài luận văn phải do người hướng dẫn đề nghị và được bộ môn hoặc hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị đào tạo (hoặc khoa chuyên môn của trường thành viên) thông qua, được thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định giao đề tài và người hướng dẫn. Đề tài luận văn phải được giao cho học viên ít nhất là 6 tháng trước khi hết thời hạn đào tạo;

d) Học viên cao học phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu đề tài luận văn trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 2 tháng sau khi nhận đề tài luận văn và báo cáo kết quả nghiên cứu ít nhất 1 lần trong thời gian thực hiện luận văn. Kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận văn;

đ) Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả thu được chủ yếu trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác (bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) thì phải trích dẫn tường minh.

2. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ đạt chuẩn quốc tế

Luận văn các chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế phải đạt các điều kiện như đối với chương trình đào tạo chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội quy định tại Khoản 1, Điều này. Ngoài ra, luận văn còn phải đạt các yêu cầu sau:

- a) Được viết và bảo vệ bằng tiếng Anh trước hội đồng đánh giá luận văn;
- b) Luận văn phải có ít nhất một kết quả mới được đăng tải trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín hoặc toàn văn trên ki yếu hội nghị quốc gia, quốc tế có phản biện.

3. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế

- a) Luận văn của các chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng hoặc cùng cấp bằng phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều này;
- b) Luận văn của các chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do đối tác cấp bằng phải đáp ứng các yêu cầu theo thỏa thuận giữa đơn vị đào tạo và đối tác.

Điều 41. Tổ chức đánh giá luận văn

1. Học viên của các chương trình đào tạo thạc sĩ do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng hoặc cùng cấp bằng được bảo vệ luận văn khi có đủ các điều kiện dưới đây:

- a) Đã tích lũy đủ số tín chỉ theo yêu cầu của chương trình đào tạo thạc sĩ và hoàn thành luận văn trong thời hạn đào tạo tối đa cho phép, có điểm trung bình chung tích lũy các môn học đạt từ 2,5 trở lên;
- b) Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra quy định tại Điểm a Khoản 4, Điều 14 của Quy chế này;
- c) Được cán bộ hướng dẫn đồng ý cho bảo vệ;
- d) Bản thông tin luận văn được đăng tải trên trang web của Đại học Quốc gia Hà Nội và trang web của đơn vị đào tạo trước khi bảo vệ ít nhất 10 ngày;
- đ) Hiện không bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- e) Đã hoàn thành các thủ tục hành chính theo quy định của đơn vị đào tạo.

2. Luận văn thạc sĩ được đánh giá công khai tại hội đồng đánh giá luận văn. Luận văn có liên quan tới bí mật quốc gia được bảo vệ theo hướng dẫn riêng.

3. Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn cho học viên được đào tạo tại các viện, khoa và trung tâm. Các đơn vị này tổ chức cho học viên bảo vệ luận văn.

4. Hiệu trưởng trường đại học thành viên quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn cho học viên được đào tạo tại đơn vị mình. Khoa chuyên môn của các đơn vị này tổ chức cho học viên bảo vệ luận văn.

5. Hội đồng đánh giá luận văn có 5 thành viên, gồm: 1 chủ tịch, 1 thư kí, 2 phản biện và 1 uỷ viên trong đó có ít nhất 2 thành viên ở ngoài cơ sở đào tạo. Mỗi thành viên hội đồng chỉ được đảm nhận một chức trách trong hội đồng. Người hướng dẫn khoa học không là thành viên hội đồng.

- a) Thành viên hội đồng phải có học vị tiến sĩ hoặc chức danh phó giáo sư trở lên; có chuyên môn phù hợp, am hiểu những vấn đề có liên quan đến đề tài luận văn; không có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột, không là cấp dưới trực tiếp của người bảo vệ luận văn;

b) Chủ tịch hội đồng phải có năng lực và uy tín chuyên môn, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của hội đồng;

c) Phản biện phải am hiểu đề tài luận văn, không là đồng tác giả với học viên trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận văn (nếu có).

6. Hội đồng đánh giá luận văn không họp nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Vắng mặt chủ tịch hội đồng hoặc thư kí hội đồng;
- Vắng mặt phản biện có ý kiến không tán thành luận văn;
- Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên.

7. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định các tiêu chí đánh giá chất lượng luận văn.

Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm từ 0 đến 10, lẻ đến 0,5. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi bảo vệ được làm tròn đến một chữ số thập phân sau đó được chuyển thành điểm chữ theo quy định tại Khoản 3, Điều 34 của Quy chế này.

8. Luận văn đạt yêu cầu khi đạt điểm từ C+ trở lên. Trong trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, học viên được sửa chữa để bảo vệ luận văn lần thứ hai (bảo vệ lại) trước hội đồng đánh giá luận văn lần thứ nhất. Lịch bảo vệ lại luận văn do đơn vị đào tạo ấn định trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất. Học viên phải tự túc kinh phí sửa chữa và bảo vệ lại luận văn. Không tổ chức bảo vệ luận văn lần thứ ba.

9. Hội đồng đánh giá luận văn tự giải thể sau khi đã hoàn thành việc đánh giá luận văn hoặc quá 3 tháng kể từ ngày thành lập mà chưa tổ chức được buổi đánh giá lần thứ nhất.

10. Việc tổ chức đánh giá luận văn cho các chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do đối tác cấp bằng được thực hiện theo thỏa thuận giữa đơn vị đào tạo và đối tác.

Điều 42. Yêu cầu đối với luận án

1. Đối với chương trình đào tạo tiến sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội

a) Đề tài luận án tiến sĩ là một vấn đề khoa học, công nghệ hoặc quản lí đang đặt ra với một ngành khoa học hoặc thực tiễn xã hội, cần giải quyết một cách sáng tạo, có lí luận, đòi hỏi những tri thức hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu;

b) Đề tài luận án phải được tiểu ban chuyên môn thông qua trong quy trình xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ, được thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định giao đề tài và người hướng dẫn. Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 3 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả nghiên cứu 6 tháng 1 lần trong thời gian thực hiện luận án. Kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận án;

c) Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là kết quả lao động của chính tác giả thu được chủ yếu trong thời gian đào tạo. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác (bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) thì phải được tác giả đồng ý và trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình

khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể đó cho tác giả sử dụng kết quả chung của tập thể để viết luận án;

d) Có ít nhất hai bài báo liên quan đến nội dung chính của luận án được công bố trên tạp chí khoa học của Đại học Quốc gia Hà Nội, các tạp chí khoa học có uy tín cấp quốc gia, quốc tế hoặc trong tuyển tập công trình (có phân biệt) của Hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế được xuất bản chính thức trong thời gian đào tạo. Tạp chí khoa học phải có trong danh sách tạp chí được hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước công nhận và tính điểm;

đ) Luận án phải được trình bày mạch lạc, rõ ràng, theo trình tự: mở đầu, các chương, kết luận, danh mục công trình khoa học của tác giả liên quan đến luận án, tài liệu tham khảo và phụ lục (nếu có);

e) Luận án có khối lượng khoảng 100 trang A4, có thể nhiều hoặc ít hơn tùy đặc thù lĩnh vực nghiên cứu của luận án nhưng không quá 200 trang, được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội, trong đó trên 50% là trình bày các kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Bản tóm tắt luận án có khối lượng không quá 24 trang A5 phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3 đến 5 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những đóng góp quan trọng nhất của luận án.

2. Đối với chương trình đào tạo tiến sĩ đạt chuẩn quốc tế

Luận án của các chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế phải đạt các điều kiện như đối với chương trình đào tạo chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội quy định tại Khoản 1, Điều này. Ngoài ra, luận án còn phải đạt các yêu cầu sau:

a) Được viết và bảo vệ trước các hội đồng bằng tiếng Anh;

b) Luận án các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ phải có ít nhất 1 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế có uy tín. Luận án các ngành khoa học xã hội nhân văn có ít nhất 2 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trung ương có uy tín.

3. Đối với chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế

a) Luận án của các chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng hoặc cùng cấp bằng phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều này;

b) Luận án của các chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế do đối tác cấp bằng phải đáp ứng các yêu cầu theo thỏa thuận giữa đơn vị đào tạo và đối tác.

Điều 43. Đánh giá và chấm luận án

1. Luận án của các chương trình đào tạo tiến sĩ do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng hoặc cùng cấp bằng được đánh giá qua hai bước:

a) Đánh giá luận án cấp cơ sở

Việc tổ chức đánh giá cấp cơ sở luận án được thực hiện tại khoa chuyên môn của trường đại học thành viên, bộ phận chuyên môn của viện, khoa và trung tâm Đại học Quốc gia Hà Nội (gọi chung là đơn vị thụ lý hồ sơ đánh giá cấp cơ sở). Đơn vị thụ lý hồ sơ đánh giá cấp cơ sở có trách nhiệm: đề nghị thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định thành lập hội đồng đánh giá cấp cơ sở luận án; tổ chức đánh giá cấp cơ sở luận án; hoàn thiện hồ sơ đề nghị chấm luận án tiến sĩ.

b) Chấm luận án cấp Đại học Quốc gia

Việc tổ chức chấm luận án cấp Đại học Quốc gia được phân công thực hiện như sau:

- Các trường đại học thành viên nhận hồ sơ đề nghị chấm luận án của đơn vị mình; mời phản biện độc lập; quyết định thành lập hội đồng chấm luận án; tổ chức chấm luận án cho nghiên cứu sinh; trình Đại học Quốc gia Hà Nội hồ sơ luận án đã chấm phục vụ cho việc thẩm định luận án;

- Ban Đào tạo nhận hồ sơ đề nghị chấm luận án của các viện, khoa và trung tâm; mời phản biện độc lập; trình Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định thành lập hội đồng chấm luận án;

- Các viện, khoa và trung tâm tổ chức chấm luận án cho nghiên cứu sinh của đơn vị mình.

3. Luận án của các chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết quốc tế do đối tác cấp bằng được tổ chức đánh giá theo thỏa thuận giữa đơn vị đào tạo và đối tác.

Điều 44. Đánh giá luận án cấp cơ sở

1. Điều kiện để được đánh giá luận án cấp cơ sở

a) Nghiên cứu sinh đã tích lũy đủ các môn học, các chuyên đề theo yêu cầu của chương trình đào tạo tiến sĩ;

b) Có điểm trung bình chung tích lũy của chương trình đào tạo tiến sĩ đạt từ 3,0 trở lên;

c) Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 14 của Quy chế này;

d) Đã hoàn thành luận án, báo cáo và được thông qua nội dung chủ yếu của luận án trong các buổi sinh hoạt khoa học tại bộ môn, liên bộ môn hoặc phòng, liên phòng chuyên môn. Thành phần tham dự các buổi sinh hoạt khoa học này phải có mặt ít nhất 5 thành viên có trình độ tiến sĩ, các ý kiến đánh giá phải viết thành văn bản;

đ) Bản tóm tắt luận án được đăng tải trên trang web của đơn vị đào tạo trước khi bảo vệ ít nhất 2 tuần;

e) Được cá nhân hoặc tập thể người hướng dẫn khẳng định chất lượng luận án và đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án;

g) Hiện không bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

2. Thành lập hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở

a) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở dựa trên đề nghị của khoa chuyên môn đối với trường đại học thành viên và bộ phận chuyên môn đối với viện, khoa và trung tâm.

b) Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm 7 thành viên, trong đó có ít nhất hai nhà khoa học ở ngoài đơn vị đào tạo. Thành viên hội đồng là những nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư kí, hai phản biện và các ủy viên Hội đồng. Thành viên hội đồng không có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột với nghiên cứu sinh; không là cán bộ cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng.

c) Chủ tịch hội đồng phải có năng lực và uy tín chuyên môn, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của hội đồng.

d) Phản biện phải là người am hiểu đề tài luận án, không là đồng tác giả với người bảo vệ luận án trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án. Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng.

3. Tổ chức đánh giá luận án cấp cơ sở

a) Đánh giá luận án cấp cơ sở là một buổi sinh hoạt khoa học có sự tham dự của nhiều nhà khoa học cùng hoặc gần với chuyên ngành của đề tài luận án và những người quan tâm nhằm đánh giá những kết quả đã đạt được, chỉ ra những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án để nghiên cứu sinh bổ sung, sửa chữa và hoàn chỉnh. Các thành viên của hội đồng phải đọc và có nhận xét bằng văn bản về dự thảo luận án.

Các thành viên hội đồng ghi rõ vào phiếu nhận xét đồng ý hay không đồng ý đề luận án được đưa ra bảo vệ. Dựa vào nhận xét của các thành viên, hội đồng thảo luận và thông qua kết luận.

Luận án được đề nghị cho phép bảo vệ nếu có từ 3/4 trở lên số thành viên có mặt đồng ý thông qua trong đó có chủ tịch hội đồng. Khi luận án được thông qua ở cấp cơ sở, đơn vị chuyên môn chuẩn bị hồ sơ, thủ tục đề nghị chấm luận án cho nghiên cứu sinh. Trường hợp luận án không được thông qua, nghiên cứu sinh được phép sửa chữa để đánh giá luận án cấp cơ sở lần thứ hai (bảo vệ lại) trước hội đồng chấm luận án cấp cơ sở lần thứ nhất. Thời hạn bảo vệ lại luận án từ 4 đến 6 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất. Nghiên cứu sinh phải tự túc kinh phí sửa chữa và bảo vệ lại. Không tổ chức bảo vệ lại lần thứ ba.

b) Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở không họp nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Vắng mặt chủ tịch hội đồng hoặc thư kí hội đồng;
- Vắng mặt người giới thiệu có ý kiến không tán thành luận án;
- Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên.

c) Hội đồng cấp cơ sở đánh giá luận án tự giải thể sau khi đã hoàn thành việc đánh giá cấp cơ sở luận án hoặc quá 3 tháng kể từ ngày thành lập mà chưa tổ chức được buổi đánh giá lần thứ nhất.

Điều 45. Phản biện độc lập luận án

1. Trong thời gian không quá 3 tháng kể từ khi luận án được thông qua ở cấp cơ sở, căn cứ vào kết quả đánh giá và kết luận của hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, nghiên cứu sinh hoàn thành việc sửa chữa luận án và đơn vị thụ lý hồ sơ đánh giá cấp cơ sở có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận, chuyển hồ sơ về bộ phận quản lý đào tạo sau đại học của đơn vị đối với nghiên cứu sinh của các trường đại học thành viên hoặc về Ban Đào tạo đối với nghiên cứu sinh của các viện, khoa và trung tâm (sau đây gọi chung là các đơn vị thụ lý hồ sơ chấm luận án) để thẩm định và chuẩn bị các thủ tục để chấm luận án cho nghiên cứu sinh.

2. Đơn vị thụ lý hồ sơ chấm luận án mời phản biện độc lập đọc luận án. Phản biện độc lập là những nhà khoa học có phẩm chất và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực đề tài luận án của nghiên cứu sinh, có uy tín khoa học cao, có chính kiến và bản lĩnh khoa học. Ý kiến của phản biện độc lập có giá trị tư vấn cho Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, hiệu trưởng các trường đại học thành viên trong việc xem xét, quyết định thành lập hội đồng chấm luận án cho nghiên cứu sinh.

3. Đơn vị thụ lý hồ sơ chấm luận án có trách nhiệm bảo mật tên của phản biện độc lập. Nghiên cứu sinh và người hướng dẫn nghiên cứu sinh không được tìm hiểu, tiếp xúc hoặc trao đổi với phản biện độc lập bằng bất kỳ hình thức nào.

4. Phản biện độc lập có nhiệm vụ đọc kỹ luận án, các công trình khoa học đã công bố của nghiên cứu sinh và có ý kiến đánh giá về giá trị khoa học, những đóng góp, đặc biệt đóng góp mới, của luận án cho lĩnh vực khoa học chuyên ngành; những điểm đúng, những điểm sai của luận án; sự phù hợp của đề tài luận án với mã số chuyên ngành; sự không trùng lặp của đề tài, số liệu, kết quả nghiên cứu, kết luận của luận án với các đề tài, luận án, luận văn, công trình khoa học khác; tính trung thực, rõ ràng và đầy đủ trong trích dẫn; sự phản ánh kết quả luận án trong những công trình đã công bố; nhận định về chất lượng công trình những công trình đã công bố; những yêu cầu đòi hỏi nghiên cứu sinh phải bổ sung, hoàn chỉnh luận án. Để kết luận, phản biện độc lập cần cho ý kiến đồng ý, hoặc đồng ý nhưng cần bổ sung, hoàn chỉnh, hoặc không đồng ý để luận án được đưa ra hội đồng chấm luận án. Phản biện độc lập không tiếp xúc với nghiên cứu sinh hay cán bộ hướng dẫn cho đến khi công việc phản biện độc lập hoàn tất. Mọi yêu cầu của phản biện độc lập và giải trình của nghiên cứu sinh, cán bộ hướng dẫn đều phải thông qua bộ phận quản lý của đơn vị thụ lý hồ sơ chấm luận án.

5. Xử lý kết quả phản biện độc lập luận án

a) Nếu cả hai phản biện độc lập đều đồng ý cho luận án được đưa ra hội đồng chấm luận án, toàn văn bản nhận xét của phản biện độc lập (không có tên người phản biện) được gửi cho đơn vị thụ lý hồ sơ luận án để yêu cầu nghiên cứu sinh tiếp thu sửa

chữa theo các ý kiến đóng góp của phản biện độc lập hoặc giải thích nhằm bảo lưu quan điểm của mình và tiến hành thủ tục chấm luận án.

b) Khi có một phản biện độc lập không tán thành luận án, Thủ trưởng đơn vị đào tạo gửi luận án xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp Đại học Quốc gia.

c) Luận án bị trả về để đánh giá lại ở cấp cơ sở nếu cả hai phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện thứ ba không tán thành khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba. Trường hợp này, luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở cấp cơ sở. Nghiên cứu sinh chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau sáu tháng và muộn nhất là hai năm kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

Điều 46. Chấm luận án

1. Thành lập hội đồng chấm luận án

a) Hội đồng chấm luận án gồm 7 thành viên, trong đó số thành viên thuộc đơn vị đào tạo không quá 3 người. Thành viên Hội đồng là những nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ; có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín chuyên môn; am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án; có công trình liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh công bố trong vòng 3 năm tính đến khi được mời tham gia Hội đồng. Số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư ít nhất là 2 người; thành viên là tiến sĩ phải được công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ đủ 36 tháng tính đến ngày thành lập Hội đồng.

b) Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, ba phản biện và các uỷ viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhận một trách nhiệm trong Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, đúng chuyên ngành với luận án. Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; không sinh hoạt trong cùng đơn vị chuyên môn với nghiên cứu sinh.

c) Người hướng dẫn nghiên cứu sinh; người có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng chấm luận án.

2. Điều kiện tổ chức họp hội đồng chấm luận án

a) Đã nhận đủ các bản nhận xét của các thành viên hội đồng chấm luận án;

b) Đã gửi tóm tắt luận án đến các nhà khoa học, các tổ chức khoa học thuộc ngành, lĩnh vực nghiên cứu và đã nhận được ít nhất 15 bản nhận xét tóm tắt luận án của các tổ chức khoa học và các nhà khoa học có trong danh sách gửi tóm tắt luận án có học vị tiến sĩ hoặc chức danh phó giáo sư trở lên;

c) Đã trưng bày luận án và tóm tắt luận án ở phòng đọc của Trung tâm Thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội ít nhất 30 ngày để lấy ý kiến;

d) Đã đăng tin bảo vệ luận án (thời gian, địa điểm tổ chức chấm luận án, tên đề tài luận án) trên báo hàng ngày của Trung ương hoặc địa phương ít nhất 10 ngày;

đ) Bản thông tin luận án được đăng tải trên trang web của Đại học Quốc gia Hà Nội và trang web của đơn vị đào tạo trước khi bảo vệ ít nhất 4 tuần.

3. Tổ chức chấm luận án

a) Đơn vị đào tạo trực tiếp thực hiện công tác chuẩn bị và tổ chức chấm luận án. Nghiên cứu sinh không tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án, không tiếp xúc với các thành viên hội đồng trước khi bản nhận xét chính thức của họ được gửi đến đơn vị thụ lý hồ sơ chấm luận án;

b) Luận án được tổ chức bảo vệ công khai. Những đề tài liên quan đến bí mật quốc gia được tổ chức bảo vệ theo quy định tại Điều 48 của Quy chế này. Mỗi thành viên hội đồng có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về luận án trước khi chấm;

c) Thành viên hội đồng chấm luận án đánh giá luận án vào phiếu chấm theo ba mức: xuất sắc, đạt, không đạt. Phiếu trắng được coi là phiếu chấm ở mức không đạt. Nếu có từ 3/4 (ba phần tư) trở lên số thành viên hội đồng có mặt chấm luận án ở mức xuất sắc hoặc đạt, trong đó có chủ tịch hội đồng thì luận án được hội đồng thông qua và đề nghị xem xét công nhận học vị và cấp bằng. Nếu có từ 3/4 (ba phần tư) trở lên số thành viên hội đồng có mặt chấm luận án ở mức xuất sắc và không có thành viên nào đánh giá ở mức không đạt thì luận án được xếp loại xuất sắc;

d) Hội đồng thông qua quyết nghị về luận án. Quyết nghị của hội đồng phải nêu được các vấn đề sau: ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án; tính hiện đại, hợp lý và độ tin cậy của phương pháp nghiên cứu mà tác giả đã sử dụng; kết quả mới của luận án; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; đề nghị công nhận hoặc không công nhận học vị tiến sĩ về chuyên ngành đào tạo sau đại học cho nghiên cứu sinh; đề nghị khen thưởng (nếu có);

đ) Hội đồng chấm luận án không họp nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Vắng mặt chủ tịch hội đồng hoặc thư ký hội đồng;
- Vắng mặt phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên;
- Nghiên cứu sinh đang bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này;
- Có hai nhận xét của thành viên Hội đồng không tán thành luận án. Trường hợp này luận án được xem là không đạt yêu cầu, không cần phải tổ chức bảo vệ luận án.

e) Hội đồng chấm luận án tự giải thể sau khi đã hoàn thành việc đánh giá luận án hoặc quá 3 tháng kể từ ngày thành lập mà chưa tổ chức được buổi bảo vệ lần thứ nhất.

4. Bảo vệ lại luận án

a) Nếu luận án không được hội đồng chấm luận án thông qua thì nghiên cứu sinh được phép sửa chữa luận án để bảo vệ lần thứ hai sớm nhất sau 12 tháng và muộn nhất trong 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất;

b) Hồ sơ đề nghị bảo vệ lại luận án, ngoài các nội dung như lần bảo vệ thứ nhất, phải có thêm bản tường trình về quá trình bổ sung, sửa chữa, hoàn thiện luận án và đề nghị của đơn vị chuyên môn cho nghiên cứu sinh được bảo vệ lần thứ hai;

c) Hội đồng chấm luận án lần thứ hai gồm toàn bộ thành viên hội đồng lần thứ nhất. Trường hợp có thành viên vắng mặt, đơn vị thành lập hội đồng ra quyết định bổ sung thành viên thay thế. Kinh phí bảo vệ lần thứ hai do nghiên cứu sinh tự túc. Không tổ chức chấm luận án lần thứ ba.

Điều 47. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo và chất lượng luận án

a) Vào tuần cuối của các tháng chẵn trong năm, các đơn vị đào tạo gửi Đại học Quốc gia Hà Nội danh sách nghiên cứu sinh bảo vệ luận án trong 2 tháng trước đó, kèm theo hồ sơ của những nghiên cứu sinh được đề nghị thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án.

b) Việc thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Thẩm định ngẫu nhiên: kiểm tra xác suất trong số hồ sơ luận án đã bảo vệ theo báo cáo của đơn vị đào tạo để thẩm định;

- Khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

c) Số lượng hồ sơ, luận án được thẩm định không ít hơn 30% số luận án bảo vệ trong năm của đơn vị đào tạo. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của đơn vị đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội rà soát báo cáo và có văn bản thông báo cho đơn vị đào tạo các trường hợp cần thẩm định và nội dung cần thẩm định của mỗi trường hợp.

d) Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo

- Hồ sơ dự tuyển của nghiên cứu sinh;

- Văn bản nhận xét đánh giá phân loại nghiên cứu sinh khi dự tuyển của Tiểu ban chuyên môn, bản tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Tiểu ban chuyên môn và kết quả xếp loại xét tuyển của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh;

- Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp Đại học Quốc gia của nghiên cứu sinh;

- Hồ sơ thực hiện quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập luận án của nghiên cứu sinh và các bản nhận xét của phản biện độc lập;

- Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Hồ sơ thẩm định nội dung, chất lượng luận án

- Luận án đã được xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học và cơ sở đào tạo;

- Tóm tắt luận án đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học và cơ sở đào tạo;

- Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án trên các tạp chí khoa học chuyên ngành;

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

e) Trong thời gian không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thẩm định, Đại học Quốc gia Hà Nội tiến hành thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

g) Hồ sơ quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp quy định tại Quy chế này.

h) Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến thẩm định độc lập của 3 nhà khoa học ở trong hoặc ngoài nước, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực. Chất lượng luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu có ít nhất 2 ý kiến tán thành.

i) Trường hợp có đơn, thư khiếu nại, tố cáo về nội dung, chất lượng luận án hoặc luận án có ít nhất 2 ý kiến thẩm định không tán thành, Đại học Quốc gia Hà Nội ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, uỷ nhiệm Thủ trưởng đơn vị đào tạo có nghiên cứu sinh tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Hội đồng thẩm định luận án

a) Hội đồng thẩm định luận án gồm 7 thành viên, trong đó có ít nhất 4 thành viên chưa tham gia hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở hay hội đồng chấm luận án cấp Đại học Quốc gia của luận án được thẩm định. Thành viên Hội đồng thẩm định là các nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư; có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ; am hiểu về đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; có công trình công bố về lĩnh vực của đề tài luận án trong 3 năm tính đến ngày thành lập hội đồng; có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực. Hội đồng có Chủ tịch Hội đồng, Thư kí và các ủy viên. Người hướng dẫn không được tham gia vào Hội đồng thẩm định luận án.

b) Trước khi họp Hội đồng thẩm định, các thành viên Hội đồng có bản nhận xét về tính cấp thiết của đề tài luận án, sự phù hợp với chuyên ngành; không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; những phát hiện, luận điểm mới của luận án; đánh giá thành công và hạn chế của luận án, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận án.

c) Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 6 thành viên Hội đồng bao gồm Chủ tịch Hội đồng, Thư kí Hội đồng và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có). Hội đồng thẩm định luận án có trách nhiệm xem xét, đánh giá nội dung và chất lượng luận án; làm rõ những nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo; nội dung nhận xét, kết luận của những người thẩm định độc lập luận án. Hội đồng phải có biên bản chi tiết các ý kiến thảo luận, trao đổi, kết luận và quyết nghị về nội dung, chất lượng luận án. Luận án đạt yêu cầu thẩm định khi có ít nhất 5 thành viên Hội đồng có mặt tán thành luận án.

d) Trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định, Thủ trưởng đơn vị đào tạo tổ chức cuộc họp đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng chấm luận án cấp Đại học Quốc gia với sự giám sát của đại diện Đại học Quốc gia Hà Nội. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp ít nhất là 12 người, trong đó Chủ tịch, phản biện, thư kí và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt.

đ) Thủ trưởng đơn vị đào tạo trực tiếp điều hành cuộc họp, bầu thư kí. Thành viên của hai Hội đồng tranh luận về nội dung và chất lượng luận án, bỏ phiếu đánh giá lại luận án. Luận án đạt yêu cầu nếu có ít nhất 3/4 thành viên có mặt tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.

3. Xử lý kết quả thẩm định

a) Đối với luận án đạt yêu cầu khi thẩm định nhưng có ý kiến của người thẩm định độc lập hoặc của Hội đồng thẩm định yêu cầu phải sửa chữa, thì Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Quốc gia cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét và quyết định các điểm cần bổ sung chỉnh sửa. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học Quốc gia kiểm tra và xác nhận chi tiết những nội dung đã bổ sung chỉnh sửa, báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia (đối với các Viện nghiên cứu, Khoa và Trung tâm trực thuộc), Hiệu trưởng (đối với các trường đại học thành viên) đề đủ hồ sơ cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

b) Đối với luận án không đạt yêu cầu thẩm định:

- Trường hợp chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được sửa chữa, bổ sung và bảo vệ lại luận án theo quy định tại Khoản 4, Điều 48 của Quy chế này.

- Trường hợp đã được cấp bằng tiến sĩ sẽ được xem xét xử lý theo pháp luật hiện hành đối với văn bằng đã được cấp.

c) Đối với hồ sơ quá trình đào tạo không đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Đại học Quốc gia Hà Nội, Thủ trưởng đơn vị đào tạo bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp phát hiện có vi phạm hành chính thì được chuyển xem xét xử lý theo quy định hiện hành về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

d) Trong thời gian không quá hai tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Đại học Quốc gia Hà Nội về kết quả thẩm định, Thủ trưởng đơn vị đào tạo có văn bản báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các Điểm a, b, c, Khoản 3 Điều này, cùng với báo cáo bảo vệ luận án của

nghiên cứu sinh của kỳ tiếp theo (nếu có) theo quy định tại Khoản 1 Điều 49 của Quy chế này.

đ) Đơn vị đào tạo có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong năm sẽ bị dừng tuyển sinh ít nhất trong một năm kế tiếp; có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong hai năm liên tiếp sẽ bị dừng việc thành lập hội đồng chấm luận án và cấp bằng tiến sĩ ít nhất trong một năm kế tiếp. Việc dừng các hoạt động này được thông báo công khai trên trang web của đơn vị đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội. Trong thời gian bị dừng các hoạt động tuyển sinh, thành lập Hội đồng đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, việc tổ chức chấm luận án cho nghiên cứu sinh của các trường đại học thành viên do Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện như đối với các viện, khoa và trung tâm. Đơn vị đào tạo phải có giải pháp khắc phục và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội kết quả thực hiện các giải pháp đó. Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, quyết định cho phép đơn vị đào tạo tiếp tục tuyển sinh, tổ chức hội đồng chấm luận án và cấp bằng tiến sĩ.

Điều 48. Đánh giá và chấm luận án theo chế độ mật

1. Luận án là công trình khoa học thuộc bí mật quốc gia được tổ chức đánh giá và bảo vệ theo chế độ mật. Việc xem xét cho phép luận án được đánh giá và bảo vệ theo chế độ mật được tiến hành trước khi đánh giá luận án ở cấp cơ sở. Thủ trưởng đơn vị đào tạo có văn bản trình bày những lí do phải bảo vệ mật để Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét quyết định.

2. Hồ sơ đề nghị cho phép đánh giá và chấm luận án theo chế độ mật gồm có:

a) Công văn đề nghị của đơn vị đào tạo;

b) Công văn đề nghị của cơ quan có thẩm quyền sẽ sử dụng kết quả nghiên cứu của luận án;

c) Dự kiến danh sách thành viên hội đồng cấp cơ sở đánh giá luận án và hội đồng chấm luận án; danh sách những cán bộ ngoài hội đồng được mời tham dự; danh sách những cơ quan, đơn vị và những cá nhân được gửi luận án và tóm tắt luận án (kể cả những đơn vị và những cá nhân có trách nhiệm thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội). Những danh sách này phải được các cơ quan có liên quan đến việc bảo mật thẩm định và đề nghị.

3. Sau khi có văn bản của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội cho phép luận án được đánh giá và bảo vệ theo chế độ mật, đơn vị đào tạo thông báo cho nghiên cứu sinh và cán bộ hướng dẫn biết. Số lượng bản thảo luận án, tóm tắt luận án cũng như các bản luận án, tóm tắt luận án chính thức phải được xác định. Các tài liệu trên phải đóng dấu mật.

4. Chỉ gửi luận án và tóm tắt luận án cho những cơ quan, đơn vị và những cá nhân trong danh sách đã được ấn định. Toàn bộ hồ sơ buổi đánh giá và buổi bảo vệ mật được quản lí theo Quy chế bảo mật của Nhà nước.

5. Trình tự buổi đánh giá và bảo vệ mật cũng được tiến hành như đánh giá và bảo vệ công khai. Thời gian, địa điểm đánh giá và bảo vệ chỉ được thông báo cho

những người có trách nhiệm và những người được phép tham dự biết, không đăng báo công khai.

6. Ngoài các quy định trên đây, nghiên cứu sinh có luận án được đánh giá và bảo vệ theo chế độ mật vẫn phải thực hiện các quy định chung đối với nghiên cứu sinh.

Điều 49. Xử lý những trường hợp nộp hồ sơ sau thời hạn quy định

1. Sau khi được hội đồng đánh giá cấp cơ sở luận án thông qua, hồ sơ đề nghị chấm luận án phải được hoàn thiện và nộp cho đơn vị thụ lý hồ sơ chấm luận án trong thời hạn 3 tháng. Nếu quá thời hạn này, hồ sơ đề nghị chấm luận án phải được xử lý như sau:

a) Quá thời hạn từ 3 đến trước 6 tháng:

- Nghiên cứu sinh phải giải trình về lí do chậm trễ (có xác nhận của cán bộ hướng dẫn);

- Hội đồng đánh giá cấp cơ sở luận án phải họp lại để khẳng định ý nghĩa khoa học, tính thời sự của luận án và tiếp tục đề nghị cho phép nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án trước hội đồng chấm luận án;

b) Quá thời hạn từ 6 tháng trở lên: hồ sơ sẽ bị chấm dứt quá trình xử lý.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả phản biện độc lập luận án, nghiên cứu sinh phải hoàn thiện luận án trong thời hạn 3 tháng. Nếu quá thời hạn trên thì hồ sơ luận án sẽ bị chấm dứt quá trình xử lý.

Chương VI

CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG

Điều 50. Quản lí phôi bằng

Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện in, quản lí và cấp phát phôi bằng thạc sĩ, tiến sĩ cho các đơn vị đào tạo.

Điều 51. Điều kiện tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ

1. Học viên được xét công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ nếu có đủ các điều kiện sau:

a) Trong thời gian học tập của khóa học;

b) Đạt yêu cầu tiêu luận thạc sĩ hoặc bảo vệ thành công luận văn;

c) Đã nộp bản luận văn, tóm tắt luận văn, kèm theo đĩa compact (CD) ghi toàn bộ nội dung luận văn, tóm tắt luận văn, giới thiệu luận văn bằng tiếng Việt và tiếng Anh kèm theo phần mềm để đọc các nội dung đó (nếu cần) cho Trung tâm Thông tin Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội để đưa vào cơ sở dữ liệu số hóa;

d) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, học viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp được cấp chứng nhận điểm các môn học đã hoàn thành trong chương trình đào tạo và được cấp các chứng chỉ theo các khối

kiến thức đã hoàn thành. Thủ trưởng đơn vị đào tạo cấp chứng nhận điểm môn học và chứng chỉ khối kiến thức cho học viên.

Điều 52. Công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ

1. Đơn vị đào tạo hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ cho các học viên đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều 51, Quy chế này trong thời hạn tối đa 2 tháng kể từ ngày học viên bảo vệ luận văn hoặc có kết quả chấm tiêu luận thạc sĩ.

2. Việc quyết định công nhận học vị thạc sĩ được thực hiện trong thời hạn tối đa 3 tháng kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp bằng. Hồ sơ này phải được lưu trữ lâu dài.

3. Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ cho học viên đã hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ đối với các chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế, các chuyên ngành đào tạo liên quan tới nhiều đơn vị, các chuyên ngành đào tạo thí điểm, các chương trình đào tạo thạc sĩ thực hiện tại các viện, khoa và trung tâm.

4. Hiệu trưởng trường đại học thành viên quyết định công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ cho học viên đã hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ thực hiện tại đơn vị mình và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội (trừ các chuyên ngành quy định tại Khoản 3, Điều này).

5. Thủ trưởng đơn vị đào tạo cấp bằng điểm học tập cho học viên của đơn vị mình kèm theo bằng thạc sĩ đã được cấp. Bảng điểm học tập của học viên bằng tiếng Việt và tiếng Anh, phải ghi rõ tên chuyên ngành (chương trình định hướng nghiên cứu/thực hành), tên môn học, số tín chỉ của môn học, điểm môn học, tổng số tín chỉ các môn học, điểm trung bình chung tích lũy toàn khoá, tên đề tài luận văn/tiểu luận, điểm luận văn/tiểu luận và tập thể cán bộ hướng dẫn.

6. Đơn vị đào tạo tổ chức lễ trao bằng thạc sĩ cho học viên hoàn thành chương trình đào tạo ở đơn vị mình theo lịch phù hợp với điều kiện của đơn vị, công bố công khai toàn bộ thông tin về cấp bằng thạc sĩ trên trang web của đơn vị và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, giá trị văn bằng được cấp.

7. Việc công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ cho học viên thuộc các chương trình đào tạo đặc biệt do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quy định.

Điều 53. Điều kiện tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ

1. Nghiên cứu sinh được xét công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ nếu có đủ các điều kiện sau:

a) Trong thời gian học tập của khóa học;

b) Bảo vệ thành công luận án trước hội đồng chấm luận án và đạt yêu cầu thẩm định đối với các luận án thuộc diện thẩm định;

c) Đã nộp bản luận án, tóm tắt luận án, kèm theo đĩa compact (CD) ghi toàn bộ nội dung luận án, tóm tắt luận án, giới thiệu luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh, các bài báo đã công bố kèm theo phần mềm để đọc các nội dung đó (nếu cần) cho Thư

viện Quốc gia và Trung tâm Thông tin Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội để đưa vào cơ sở dữ liệu số hóa;

d) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, nghiên cứu sinh không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Nghiên cứu sinh không đủ điều kiện tốt nghiệp được cấp chứng nhận điểm các môn học, chuyên đề đã hoàn thành trong chương trình đào tạo và được cấp các chứng chỉ theo các khối kiến thức đã hoàn thành. Thủ trưởng đơn vị đào tạo cấp chứng nhận điểm môn học, chuyên đề và các chứng chỉ khối kiến thức cho nghiên cứu sinh.

Điều 54. Công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ

1. Đơn vị đào tạo hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh đã đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều 55, Quy chế này trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án.

2. Việc quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ được tiến hành sau 3 tháng kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị. Hồ sơ này phải được lưu trữ lâu dài.

3. Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho các nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án trên cơ sở các hồ sơ chấm luận án (bao gồm hồ sơ của các luận án không phải thẩm định và hồ sơ của các luận án đã đạt yêu cầu thẩm định).

4. Bằng tiến sĩ có chữ kí của thủ trưởng đơn vị đào tạo và chữ kí của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, được đóng dấu của Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Thủ trưởng đơn vị đào tạo cấp bằng điểm học tập cho nghiên cứu sinh của đơn vị mình kèm theo bằng tiến sĩ đã được cấp. Bảng điểm học tập của nghiên cứu sinh bằng tiếng Việt và tiếng Anh, phải ghi rõ tên chuyên ngành, tên môn học, số tín chỉ của môn học, điểm môn học, tổng số tín chỉ các môn học, điểm trung bình chung tích lũy toàn khoá, tên đề tài luận án, kết quả chấm luận án và tập thể cán bộ hướng dẫn.

6. Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức trao bằng tiến sĩ theo nghi lễ mỗi năm một lần cho tất cả các nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo trong năm.

Chương VII

LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ

Điều 55. Liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo nước ngoài

1. Việc xây dựng, ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo cho các chương trình liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo sau đại học nước ngoài được thực hiện theo các quy định tại Khoản 3, Điều 15; Khoản 3, Điều 16; Khoản 2, Điều 17 Quy chế này.

2. Quy mô đào tạo, hình thức tuyển sinh, hình thức tổ chức đào tạo và cấp bằng thực hiện theo văn bản thỏa thuận hợp tác, liên kết giữa đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội với cơ sở đào tạo sau đại học ở nước ngoài nhưng không trái với các quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương VIII

NGHĨA VỤ, QUYỀN LỢI CỦA GIẢNG VIÊN

Điều 56. Yêu cầu, trách nhiệm và quyền lợi của giảng viên

1. Yêu cầu đối với giảng viên sau đại học

a) Giảng viên sau đại học phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Lí lịch bản thân rõ ràng, có phẩm chất chính trị, đạo đức và tư cách tốt;
- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc;
- Có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;

- Có bằng tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc chức danh phó giáo sư, giáo sư đối với giảng viên giảng dạy lí thuyết các môn học của chương trình đào tạo thạc sĩ; chuyên đề tiến sĩ; hướng dẫn luận văn, luận án. Có bằng thạc sĩ đối với giảng viên phụ giảng các môn học thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ hoặc các chuyên ngành đặc thù được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt;

b) Ngoài các yêu cầu chung của giảng viên sau đại học, cán bộ hướng dẫn luận văn, luận án phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Với cán bộ hướng dẫn luận văn: phải có khả năng độc lập tiến hành và tổ chức nghiên cứu khoa học, có những công trình khoa học đã được công bố.

- Với cán bộ hướng dẫn luận án: ít nhất phải có học vị tiến sĩ từ 3 năm trở lên; có những đóng góp nhất định trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, có công trình khoa học đã công bố và đang có hướng nghiên cứu, đề tài nghiên cứu phù hợp với đề tài luận án của nghiên cứu sinh.

2. Trách nhiệm của giảng viên sau đại học

a) Thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức theo quy định của Luật Giáo dục, Luật cán bộ, công chức và pháp luật có liên quan; giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học; tham gia quản lí đơn vị đào tạo, tham gia công tác Đảng, đoàn thể khi được tín nhiệm và các công tác khác được trường, khoa, bộ môn giao;

b) Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định của đơn vị đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội;

c) Thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo; thực hiện tư vấn giúp đỡ học viên, nghiên cứu sinh trong học tập, nghiên cứu, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, phát triển năng lực sáng tạo và hoàn thiện các kĩ năng nghề nghiệp và các kĩ năng mềm; lắng ý kiến phản hồi của người học về việc giảng dạy của mình;

d) Tham gia xây dựng chương trình đào tạo, xây dựng đề cương môn học, trực tiếp biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ dạy - học;

đ) Nghiên cứu khoa học, vận dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy và ứng dụng thực tiễn;

e) Thực hiện nhiệm vụ khác do thủ trưởng đơn vị đào tạo giao;

g) Khai báo đầy đủ và cập nhật thường xuyên hồ sơ cá nhân theo mẫu thống nhất và quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội;

h) Báo cáo kết quả hoạt động trí tuệ theo định dạng chuẩn để đơn vị đào tạo đăng tải trên trang web của đơn vị và cung cấp cho trang web của Đại học Quốc gia Hà Nội.

i) Ngoài các nhiệm vụ chung của giảng viên sau đại học, cán bộ hướng dẫn luận văn, luận án có nhiệm vụ:

- Xác định kế hoạch và chương trình thực hiện đề tài luận văn, luận án;
- Hướng dẫn và kiểm tra nghiên cứu sinh thực hiện các chuyên đề tiến sĩ;
- Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc học viên, nghiên cứu sinh nghiên cứu khoa học, hoàn thành luận văn, luận án;
- Định kì nhận xét và báo cáo bộ môn tình hình, tiến độ học tập, nghiên cứu và kết quả đã đạt được của học viên, nghiên cứu sinh trong từng năm;
- Xác nhận kết quả học tập, nghiên cứu đã đạt được, duyệt và đề nghị cho học viên, nghiên cứu sinh bảo vệ luận văn, luận án.

3. Quyền lợi của giảng viên sau đại học

a) Được hưởng các quyền lợi chung và ưu đãi đối với giảng viên theo các quy định hiện hành của pháp luật và của Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Sau mỗi 3 năm giảng dạy, giảng viên được miễn giảng dạy 1 học kỳ để tập trung nghiên cứu khoa học và tu nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn trong nước hoặc nước ngoài (phù hợp điều kiện của đơn vị). Đơn vị đào tạo có kế hoạch, tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho giảng viên;

c) Được đảm bảo các điều kiện vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học; được cung cấp thông tin và sử dụng các dịch vụ đào tạo, khoa học và công nghệ của đơn vị;

d) Được hưởng thù lao trong đào tạo sau đại học theo quy định của Nhà nước, của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo.

Điều 57. Tiêu chuẩn hướng dẫn luận văn, luận án

1. Hướng dẫn luận văn

a) Giáo sư, phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học được hướng dẫn nhiều nhất 5 luận văn; tiến sĩ được hướng dẫn nhiều nhất 3 luận văn trong cùng một thời gian;

b) Mỗi luận văn có không quá 2 cán bộ hướng dẫn. Trường hợp luận văn có hai cán bộ hướng dẫn thì một cán bộ hướng dẫn chính chịu trách nhiệm chủ trì và chỉ đạo hoạt động hướng dẫn, một cán bộ hướng dẫn phụ có trách nhiệm tham gia hoạt động hướng dẫn theo sự phân công của cán bộ hướng dẫn chính.

2. Hướng dẫn luận án

a) Mỗi người hướng dẫn khoa học không được nhận quá 2 nghiên cứu sinh được tuyển trong cùng một năm ở tất cả các cơ sở/đơn vị đào tạo. Giáo sư được hướng dẫn cùng lúc không quá 5 nghiên cứu sinh; phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học được hướng dẫn cùng lúc không quá 4 nghiên cứu sinh; tiến sĩ được hướng dẫn cùng lúc không quá 3 nghiên cứu sinh ở tất cả các cơ sở/đơn vị đào tạo, kể cả nghiên cứu sinh đồng hướng dẫn và nghiên cứu sinh đã hết hạn đào tạo nhưng còn trong thời gian được phép quay lại cơ sở/đơn vị đào tạo xin bảo vệ luận án.

Trong vòng 5 năm, tính đến ngày giao nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu sinh, nếu người hướng dẫn khoa học có 2 nghiên cứu sinh không hoàn thành luận án vì lí do chuyên môn sẽ không được giao hướng dẫn nghiên cứu sinh mới.

b) Mỗi luận án có không quá 2 cán bộ hướng dẫn. Trường hợp luận án có hai cán bộ hướng dẫn thì một cán bộ hướng dẫn chính chịu trách nhiệm chủ trì và chỉ đạo hoạt động hướng dẫn, một cán bộ hướng dẫn phụ có trách nhiệm tham gia hoạt động hướng dẫn theo sự phân công của cán bộ hướng dẫn chính.

3. Trong một số trường hợp đặc biệt, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội sẽ quyết định số lượng luận văn, luận án mà một cán bộ được phép hướng dẫn và số lượng cán bộ hướng dẫn cho một luận văn, luận án.

Chương IX

NGHĨA VỤ, QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI HỌC

Điều 58. Nghĩa vụ của người học

1. Thực hiện nhiệm vụ của công dân theo quy định của pháp luật. Người học là người nước ngoài phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, tôn trọng phong tục, tập quán của Việt Nam;

2. Hiểu đúng và thực hiện nghiêm túc quy chế và nội quy của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo;

3. Có trách nhiệm khai báo các thông tin liên quan đến cá nhân, cập nhật dữ liệu khi có những thay đổi trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội;

4. Thực hiện kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học đúng thời hạn quy định theo chương trình, kế hoạch của đơn vị đào tạo; báo cáo đầy đủ và đúng hạn về kết quả học tập, nghiên cứu, rèn luyện và các thông tin khác theo yêu cầu của đơn vị đào tạo;

5. Tham gia các hoạt động như một thành viên của đơn vị

a) Tham gia hoạt động đào tạo tại đơn vị chuyên môn: trợ giảng, chữa bài tập, hướng dẫn thực hành, thực tập, thực tế, coi thi, chấm bài...theo yêu cầu của người hướng dẫn và kế hoạch, sự phân công của thủ trưởng đơn vị đào tạo và lãnh đạo đơn vị chuyên môn. Định mức hoàn thành công tác này do Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định;

b) Tham gia hoạt động nghiên cứu tại đơn vị chuyên môn: tham gia các đề tài nghiên cứu, tham dự các hội nghị, hội thảo chuyên môn,... theo yêu cầu của người hướng dẫn và kế hoạch, sự phân công của thủ trưởng đơn vị đào tạo và lãnh đạo đơn vị chuyên môn. Định mức hoàn thành công tác này do Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định;

6. Báo cáo kết quả hoạt động trí tuệ trong thời gian học tập, nghiên cứu tại đơn vị đào tạo (nếu có) theo định dạng chuẩn để đơn vị đào tạo đăng tải trên trang web của đơn vị và cung cấp cho trang web của Đại học Quốc gia Hà Nội.

7. Có ý thức xây dựng, gìn giữ, bảo vệ và phát huy thương hiệu của Đại học Quốc gia Hà Nội và các đơn vị đào tạo;

8. Tôn trọng giảng viên, cán bộ, nhân viên của Đại học Quốc gia Hà Nội. Đoàn kết, giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện, thực hiện tốt nếp sống văn minh. Tích cực tham gia các phong trào, các cuộc vận động về chính trị, tư tưởng, đạo đức của ngành giáo dục và của Đại học Quốc gia Hà Nội;

9. Đóng góp các khoản kinh phí theo quy định.

Điều 59. Quyền lợi của người học

1. Được nhận vào học đúng ngành đã đăng ký dự tuyển khi trúng tuyển;

2. Được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình, kế hoạch đào tạo của khóa học, năm học, học kì và môn học;

3. Được tham gia hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong đơn vị đào tạo;

4. Được tạo điều kiện sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất khác của đơn vị đào tạo và cơ sở phối hợp để phục vụ cho việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu đã được thông qua;

5. Được thanh toán thù lao tương xứng khi tham gia các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo quy định của đơn vị đào tạo;

6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Chương X

TÀI CHÍNH CHO ĐÀO TẠO

Điều 60. Nguồn tài chính cho đào tạo sau đại học

1. Nguồn tài chính cho đào tạo sau đại học bao gồm kinh phí do Nhà nước cấp, học phí của người học, kinh phí của các đề tài nghiên cứu khoa học, kinh phí từ hoạt động hợp tác và chuyển giao công nghệ và các nguồn tài trợ khác.

a) Kinh phí từ Ngân sách nhà nước

Đại học Quốc gia Hà Nội phân bổ kinh phí từ Ngân sách nhà nước theo định mức và chỉ tiêu đào tạo hàng năm cho các chuyên ngành có chương trình đào tạo tương ứng: chương trình đào tạo chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội, chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế...

b) Tất cả học viên, nghiên cứu sinh đều phải đóng học phí theo số tín chỉ đăng kí học trong mỗi học kì. Học phí được tính theo công thức:

$$M = a \sum_{i=1}^k h_i n_i$$

trong đó:

- M: Số học phí phải nộp
- a: Định mức học phí cơ bản của một tín chỉ
- k: Tổng số môn học
- h_i : Hệ số học phí của môn học thứ i
- n_i : Số tín chỉ của môn học thứ i

Thủ trưởng đơn vị đào tạo xây dựng định mức học phí cho một tín chỉ và hệ số học phí của từng môn học cho tất cả các ngành học phù hợp với các quy định chung của Nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội, không cao hơn mức học phí do Nhà nước quy định, báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (qua Ban Kế hoạch Tài chính) phê duyệt trước khi thực hiện.

- Cách tính học phí trên được áp dụng cho cả các môn học phải học lại.

- Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể và công bố công khai, rộng rãi cho người học biết cách thức thu, nộp học phí.

c) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác

Các nguồn kinh phí hợp pháp dành cho công tác đào tạo do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định theo tình hình thực tế đảm bảo hiệu quả sử dụng và cân đối giữa các nguồn kinh phí.

2. Sử dụng kinh phí đào tạo

a) Trên cơ sở nguồn kinh phí đào tạo và tổng số tín chỉ của mỗi chương trình đào tạo, đơn vị đào tạo xác định nội dung và mức chi theo tín chỉ. Kinh phí đào tạo phải được sử dụng đúng mục đích và hiệu quả;

b) Đơn vị quản lý nguồn kinh phí đào tạo có trách nhiệm thanh toán kinh phí cho đơn vị thực hiện các nhiệm vụ phối hợp tổ chức đào tạo theo tỉ lệ và định mức do Đại học Quốc gia Hà Nội quy định;

c) Đơn vị được giao quản lý cơ sở vật chất có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp cơ sở vật chất ưu tiên phục vụ công tác đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Hiệu quả sử dụng kinh phí đào tạo

Đơn vị đào tạo xác định tỉ lệ các nguồn kinh phí đào tạo cho mỗi ngành học cụ thể. Sau một khóa học, đơn vị đào tạo đánh giá tổng kết tính hiệu quả kinh tế về kinh phí đào tạo của mỗi ngành học và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội. Hiệu quả sử dụng kinh phí đào tạo là căn cứ để Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội cho phép tiếp tục đào tạo hay dừng đào tạo một ngành học.

Điều 61. Chế độ tài chính cho chuyển tiếp sinh đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ

1. Chuyển tiếp sinh đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ đều phải đóng học phí theo quy định chung.

2. Căn cứ chỉ tiêu đào tạo sau đại học có ngân sách Nhà nước được Đại học Quốc gia Hà Nội cấp, thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định việc thực hiện chế độ cấp hay

không cấp kinh phí cho chuyển tiếp sinh từ nguồn ngân sách đào tạo sau đại học của đơn vị.

3. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định tiêu chí để xác định các đối tượng và mức kinh phí được hưởng đối với chuyển tiếp sinh và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Chế độ tài chính cho chuyển tiếp sinh (cấp sinh hoạt phí) chỉ thực hiện trong thời gian đào tạo của khoá đào tạo. Riêng chế độ cấp sinh hoạt phí cần phải xem xét lại sau mỗi năm học theo kết quả học tập nghiên cứu.

5. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét quyết định.

Điều 62. Chế độ tài chính đối với lưu học sinh người nước ngoài

1. Đối với học viên và nghiên cứu sinh người nước ngoài học tập theo Hiệp định do Chính phủ Việt Nam ký với Chính phủ nước ngoài, chế độ học bổng áp dụng theo quy định chung của Nhà nước.

2. Học viên và nghiên cứu sinh người nước ngoài học tập theo chương trình hợp tác, trao đổi giữa Đại học Quốc gia Hà Nội và đại học đối tác nước ngoài thực hiện theo thỏa thuận ký kết giữa hai bên.

3. Đối với học viên và nghiên cứu sinh người nước ngoài học tập theo chế độ tự túc, tùy theo ngành đào tạo, mức đóng góp kinh phí đào tạo cụ thể do đơn vị đào tạo đề nghị Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

Chương XI

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ

CÔNG KHAI ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Điều 63. Kiểm định chất lượng giáo dục

1. Mục tiêu cơ bản của kiểm định chất lượng giáo dục là phát hiện, đánh giá những điểm mạnh, điểm tồn tại của các chương trình đào tạo hoặc của các đơn vị đào tạo để đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những tồn tại, nâng cao chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực hoạt động.

2. Phạm vi, đối tượng và phân cấp trách nhiệm kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được áp dụng như sau:

a) Các chương trình đào tạo chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội do đơn vị đào tạo tổ chức đánh giá theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội, sau đó được đoàn đánh giá ngoài đánh giá. Viện Đảm bảo Chất lượng Giáo dục tổ chức thẩm định báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài và thông qua kết luận về kết quả kiểm định chất lượng. Căn cứ kết luận của Viện Đảm bảo Chất lượng Giáo dục, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, quyết định công nhận và cấp chứng chỉ kiểm định chất lượng;

b) Các chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế, các chương trình đào tạo liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng hoặc cùng cấp bằng do hội đồng kiểm định chất lượng Đại học Quốc gia Hà Nội kiểm định. Căn cứ kết luận của hội đồng

kiểm định chất lượng, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ra quyết định công nhận và cấp chứng chỉ kiểm định chất lượng cho chương trình đào tạo đạt kết quả kiểm định chất lượng;

c) Các chương trình đào tạo liên kết quốc tế do đối tác nước ngoài cấp bằng được tổ chức kiểm định chất lượng theo quy định tại Khoản 2, Điều 17 của Quy chế này;

d) Thủ trưởng đơn vị đào tạo đề nghị và Viện Đảm bảo Chất lượng Giáo dục đề xuất lựa chọn các chương trình đào tạo đăng ký kiểm định chất lượng quốc tế. Việc tham gia kiểm định chất lượng quốc tế phải được thường trực hội đồng kiểm định chất lượng Đại học Quốc gia Hà Nội thông qua.

3. Chương trình đào tạo được đăng ký kiểm định chất lượng phải có ít nhất một khóa tốt nghiệp và còn đang được tiếp tục tổ chức đào tạo ở đơn vị.

4. Các chương trình được cấp chứng chỉ kiểm định chất lượng được ưu tiên trong phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh, phân bổ kinh phí khuyến khích nâng cao chất lượng và thực hiện lộ trình tăng học phí phù hợp.

5. Các đơn vị có chương trình đào tạo được cấp chứng chỉ kiểm định chất lượng có trách nhiệm đảm bảo chất lượng trong thời hạn có giá trị của chứng chỉ kiểm định chất lượng; đồng thời thực hiện các kiến nghị của hội đồng kiểm định chất lượng Đại học Quốc gia Hà Nội và Viện Đảm bảo Chất lượng Giáo dục khắc phục những tồn tại (nếu có), tiếp tục nâng cao chất lượng. Nếu không đảm bảo chất lượng so với kết quả được công nhận thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị khiển trách, cảnh cáo hoặc thu hồi Chứng chỉ kiểm định chất lượng.

Điều 64. Công khai chất lượng và điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

1. Thủ trưởng đơn vị đào tạo có trách nhiệm thực hiện công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính để người học, các thành viên của đơn vị và xã hội tham gia giám sát, đánh giá đơn vị đào tạo theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung công khai

a) Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

- Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình đào tạo, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của người học, điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của đơn vị đào tạo; mục tiêu đào tạo, kiến thức, kỹ năng, yêu cầu về thái độ học tập của người học, trình độ ngoại ngữ và vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ và theo các ngành học;

- Chất lượng giáo dục thực tế:

+ Số lượng học viên, nghiên cứu sinh ở các hình thức đào tạo và các chuyên ngành học; số lượng học viên, nghiên cứu sinh theo kết quả tốt nghiệp, theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương, doanh nghiệp;

+ Các môn học của một chương trình đào tạo: công khai về giảng viên giảng dạy và giảng viên hướng dẫn (nếu có), mục đích môn học, nội dung và lịch trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá;

+ Giáo trình, tài liệu tham khảo do đơn vị đào tạo tổ chức biên soạn: công khai tên các giáo trình (kể cả giáo trình điện tử), tài liệu tham khảo, năm xuất bản, kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo của các chuyên ngành;

+ Luận văn, luận án của học viên, nghiên cứu sinh: công khai tên đề tài, họ và tên người thực hiện và người hướng dẫn, nội dung tóm tắt;

+ Hoạt động đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp: các đơn vị đặt hàng đào tạo, số lượng, thời gian, ngành nghề, trình độ và kết quả đào tạo;

+ Các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn: tên các dự án hoặc tên nhiệm vụ khoa học công nghệ, người chủ trì và các thành viên tham gia, đối tác trong nước và quốc tế, thời gian và kinh phí thực hiện, tóm tắt sản phẩm của dự án hoặc nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn;

+ Hội nghị, hội thảo khoa học do đơn vị đào tạo tổ chức: tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học, thời gian và địa điểm tổ chức, số lượng đại biểu tham dự;

+ Kiểm định đơn vị đào tạo và chương trình đào tạo: kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài và công nhận đạt hay không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

b) Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Cơ sở vật chất: số lượng và diện tích giảng đường, phòng học, phòng chuyên môn, xưởng thực tập, kí túc xá và khu thể thao, các loại thiết bị đào tạo và thí nghiệm được sử dụng;

- Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lí và nhân viên:

+ Số lượng, chức danh theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo;

+ Sơ lược lí lịch của giảng viên: họ và tên (kèm theo ảnh), tuổi đời, thâm niên giảng dạy, chức danh, trình độ chuyên môn, công trình khoa học, kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu, hoạt động nghiên cứu trong nước và quốc tế, các bài báo đăng tải trong nước và quốc tế; thông tin về họ và tên học viên, nghiên cứu sinh mà giảng viên đã hướng dẫn bảo vệ thành công trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, tóm tắt đề tài nghiên cứu, thời gian thực hiện;

+ Số lượng giảng viên, cán bộ quản lí và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

c) Công khai thu chi tài chính

- Mức thu học phí và các khoản thu khác cho một tín chỉ hoặc cho từng năm học và dự kiến cho toàn bộ khóa học;

- Các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác;

- Kế hoạch phân bổ sử dụng nguồn thu học phí, trong đó có phân trích để tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng;

- Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong mỗi năm học (số lượng học bổng và tổng số tiền tương ứng, tổng số tiền học bổng ngoài ngân sách nhà nước).

3. Việc thực hiện công khai của các đơn vị đào tạo phải đảm bảo đầy đủ về cả nội dung, hình thức và thời điểm công khai.

Thông tin được công khai tại các đơn vị đào tạo và trên các trang web phải chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận, đảm bảo đầy đủ và cập nhật thông tin mới. Ngoài ra, các đơn vị đào tạo phải có đầy đủ các tài liệu in về các nội dung liên quan đến chức năng hoạt động, nhiệm vụ của đơn vị phục vụ nhu cầu nghiên cứu của học viên, nghiên cứu sinh, giảng viên và những người quan tâm.

Đối với học viên, nghiên cứu sinh tuyển mới, thông tin về nội dung công khai được phổ biến vào thời điểm đơn vị đào tạo triển khai công tác tuyển sinh.

Đối với học viên, nghiên cứu sinh đang học tại đơn vị đào tạo, thông tin về nội dung công khai được in và phát cho học viên, nghiên cứu sinh vào thời điểm đầu năm học mới.

Điều 65. Tổ chức lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy

1. Viện Đảm bảo Chất lượng Giáo dục chủ trì phối hợp với các đơn vị đào tạo thiết kế nội dung, công cụ đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên một cách đầy đủ, khách quan để lấy ý kiến phản hồi từ người học. Phương pháp và quy trình lấy ý kiến người học phải đảm bảo truyền thống tôn trọng đạo và những giá trị đạo đức, văn hóa tốt đẹp của dân tộc; kết quả xử lý thông tin phản hồi từ người học phải chính xác, tin cậy.

2. Hàng năm, đơn vị đào tạo tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ học viên, nghiên cứu sinh về hoạt động giảng dạy của giảng viên để tạo thêm kênh thông tin giúp giảng viên điều chỉnh nội dung và phương pháp giảng dạy; nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo; tăng cường tinh thần trách nhiệm của người học.

3. Đơn vị đào tạo phải công khai các yêu cầu đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên để học viên, nghiên cứu sinh có cơ sở cung cấp thông tin phản hồi.

4. Học viên, nghiên cứu sinh phải khách quan, công bằng, trung thực và có thái độ đúng mực khi cung cấp thông tin phản hồi.

5. Giảng viên phải tôn trọng, có tinh thần cầu thị trước kết quả xử lý thông tin phản hồi từ học viên, nghiên cứu sinh.

6. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quản lý và quyết định đối tượng (giảng viên trực tiếp giảng dạy môn học, chủ nhiệm bộ môn, chủ nhiệm khoa, ...) được cung cấp ý kiến phản hồi từ học viên, nghiên cứu sinh.

Chương XII

THANH TRA, KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 66. Thanh tra, kiểm tra

1. Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh, đào tạo sau đại học của các đơn vị đào tạo theo các quy định hiện hành.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm: các hoạt động trong tuyển sinh; quá trình đào tạo, cấp bằng. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Đại học Quốc gia Hà Nội thông báo cho đơn vị đào tạo bằng văn bản.

Điều 67. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về hoạt động vi phạm quy chế của đơn vị đào tạo, về gian lận của học viên, nghiên cứu sinh, về sai phạm trong thực hiện chương trình đào tạo, về quá trình tổ chức và quản lý đào tạo.

2. Việc giải quyết khiếu nại tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo.

Điều 68. Xử lý vi phạm

1. Xử lý vi phạm trong công tác tuyển sinh

a) Xử lý cán bộ vi phạm quy chế trong tuyển sinh: người tham gia công tác tuyển sinh có hành vi vi phạm quy chế (bị phát hiện trong khi làm nhiệm vụ hoặc sau khi thi tuyển sinh), nếu có đủ chứng cứ, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỉ luật theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Xử lý thí sinh vi phạm quy chế trong tuyển sinh: thí sinh có hành vi vi phạm quy chế (bị phát hiện trong hoặc sau kì tuyển sinh), nếu có đủ chứng cứ, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỉ luật theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Xử lý vi phạm trong chấm thi tuyển sinh

- Ban thư kí, ban chấm thi có trách nhiệm phát hiện và báo cáo trưởng ban chấm thi những bài thi có biểu hiện vi phạm quy chế cần xử lý, kể cả các trường hợp không có biên bản của ban coi thi;

- Sau khi trưởng ban chấm thi xem xét và kết luận về các trường hợp vi phạm thì xử lý theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Xử lý vi phạm các quy định về thi, kiểm tra học phần, làm luận văn, luận án

a) Người học sau đại học vi phạm các quy về thi, kiểm tra học phần, làm luận văn, luận án sẽ bị kiểm điểm và thi hành kỉ luật theo các hình thức sau:

- Khiển trách đối với người học phạm lỗi 1 lần nhìn bài của người khác, trao đổi bài, thảo luận bài trong giờ thi. Người học bị khiển trách trong khi thi môn học nào bị trừ 25% số điểm đạt được của bài thi môn học đó;

- Cảnh cáo đối với người học vi phạm một trong các lỗi: đã bị khiển trách 1 lần nhưng trong giờ thi môn học đó vẫn tiếp tục vi phạm quy định; trao đổi bài làm, giấy nháp với người khác; chép bài của người khác. Những bài thi đã có kết luận là giống nhau thì xử lý như nhau trừ trường hợp nếu người bị xử lý có đủ bằng chứng chứng tỏ

mình thực sự bị quay cóp thì thủ trưởng đơn vị đào tạo có thể xem xét giảm từ mức kỉ luật cảnh cáo xuống mức khiển trách. Người học bị cảnh cáo trong khi thi môn học nào sẽ bị trừ 50% số điểm đạt được của bài thi môn học đó;

- Đình chỉ thi đối với người học vi phạm một trong các lỗi: đã bị cảnh cáo một lần nhưng trong giờ thi môn học đó vẫn tiếp tục vi phạm quy định; Sau khi đã bóc đề thi bị phát hiện mang theo những vật dụng không được phép như tài liệu, phương tiện kĩ thuật thu phát truyền tin ...; đưa đề thi ra ngoài hoặc nhận bài giải từ ngoài vào phòng thi. Người học bị kỉ luật đình chỉ thi sẽ bị điểm không (0) bài thi môn học đó và phải ra khỏi phòng thi ngay sau khi có quyết định đình chỉ thi;

- Đình chỉ học tập hoặc buộc thôi học đối với người học vi phạm một trong các lỗi: thi hộ; nhờ người thi hộ; không trung thực và có hành vi gian lận trong nghiên cứu khoa học, làm tiểu luận, luận văn, luận án trong đó có việc sao chép tài liệu, số liệu của người khác mà không trích dẫn nguồn.

b) Giảng viên vi phạm quy định trong công tác tổ chức thi, kiểm tra học phần, đánh giá luận văn, luận án sẽ bị kiểm điểm và thi hành kỉ luật theo các hình thức sau:

- Khiển trách đối với những người vi phạm một trong các lỗi sau: đến chậm giờ quy định, không kí vào giấy thi, giấy nháp của người thi, không tập trung khi coi thi; để người học sao chép tài liệu của người khác mà không trích dẫn trong tiểu luận thạc sĩ, luận văn, luận án nhưng vẫn trình hội đồng chấm tiểu luận thạc sĩ, luận văn, luận án;

- Cảnh cáo đối với những người vi phạm một trong các lỗi: bỏ 1 buổi coi thi trở lên không có lí do chính đáng trong một năm học; trong giờ coi thi bỏ đi làm việc khác; để người thi quay cóp, mang và sử dụng tài liệu trái phép trong khi thi; không lập biên bản những người thi đã bị phát hiện có vi phạm quy chế; làm mất bài thi trong khi thu bài, di chuyển bài hoặc chấm bài; chấm thi hay cộng điểm bài thi có sai sót nhiều; lặp lại việc để người học sao chép tài liệu của người khác mà không trích dẫn trong tiểu luận thạc sĩ, luận văn, luận án nhưng vẫn trình hội đồng chấm tiểu luận thạc sĩ, luận văn, luận án;

- Hạ tầng công tác hoặc buộc thôi việc đối với những người vi phạm một trong các lỗi sau: làm lộ đề thi; đưa đề thi ra ngoài, đưa bài giải từ ngoài vào phòng thi hoặc giúp thí sinh làm bài thi trong lúc đang thi; làm lộ phách; gian lận trong khi chấm thi, cho điểm không đúng quy định, chủ định tăng hoặc hạ điểm của bài thi so với đáp án; sửa chữa, thêm bớt vào bài làm của người thi để tăng hay hạ điểm; sửa chữa làm sai lệch điểm trên bài thi, biên bản chấm thi hoặc số điểm; đánh tráo bài thi hoặc điểm thi của người thi; để người học sao chép tài liệu của người khác mà không trích dẫn trong tiểu luận, luận văn, luận án nhưng vẫn trình hội đồng chấm tiểu luận thạc sĩ, luận văn, luận án.

3. Xử lí vi phạm trong công tác tổ chức, quản lí đào tạo

Cá nhân hoặc tổ chức vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lí kỉ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu hành vi vi phạm gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương XIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 69. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày kí và áp dụng toàn diện cho các khóa tuyển sinh từ năm 2011 trở đi. Bãi bỏ những nội dung trái với Quy chế này trong các văn bản trước đây, gồm:

a) Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 3810/KHCN, ngày 10/10/2007 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội);

b) Quy định về văn bằng chứng chỉ của Đại học Quốc gia Hà Nội (số 1011/ĐT, ngày 12/03/2008 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội);

c) Quy định tạm thời về mở chuyên ngành và sửa đổi chương trình đào tạo sau đại học (số 665/SDH, ngày 04/02/2008 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội);

d) Hướng dẫn đánh giá hồ sơ chuyên môn cho thí sinh dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ ở Đại học Quốc gia Hà Nội (số 89/SDH, ngày 09/01/2009 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội);

đ) Hướng dẫn tổ chức đánh giá chương trình đào tạo sau đại học các chuyên ngành đào tạo thí điểm (số 2036/SDH, ngày 07/06/2007 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội);

e) Một số điều chỉnh, bổ sung về điều kiện xét chuyển tiếp sinh đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 237/KHCN, ngày 03/07/2006 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội);

g) Hướng dẫn về việc xét tuyển người nước ngoài vào học tại Đại học Quốc gia Hà Nội (số 278/ĐT, ngày 20/10/2003 của Đại học Quốc gia Hà Nội);

h) Hướng dẫn tổ chức đánh giá luận án tiến sĩ ở Đại học Quốc gia Hà Nội, (số 45/ĐT, ngày 27/02/2003 của Đại học Quốc gia Hà Nội).

2. Các khóa đào tạo trình độ thạc sĩ tuyển sinh năm 2010 và các khóa đào tạo trình độ tiến sĩ tuyển sinh năm 2009 và năm 2010 phải thực hiện theo chương trình đào tạo quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Quy chế này.

3. Các nội dung liên quan đến yêu cầu, quy trình tổ chức đánh giá luận văn, luận án quy định tại chương V (từ điều 42 đến điều 51); công nhận học vị và cấp bằng quy định tại chương VI (từ điều 52 đến điều 56) áp dụng đối với các học viên cao học bảo vệ luận văn và nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp cơ sở sau ngày 01//01/2013.

4. Các đơn vị đào tạo thực hiện Quy chế này một cách hệ thống, toàn diện, không vận dụng riêng lẻ các quy định của Quy chế. Căn cứ Quy chế này, các đơn vị đào tạo có thể ban hành các quy định chi tiết cho phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, nhưng không được trái với Quy chế này.

5. Các đơn vị đào tạo có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế đào tạo ở đơn vị. Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy chế đào tạo của các đơn vị đào tạo.

6. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội có thể quyết định tạm thời điều chỉnh một số quy định mang tính cụ thể, định lượng cho phù hợp với tình hình thực tế nhưng phải báo cáo Hội đồng Đại học Quốc gia Hà Nội tại phiên họp gần nhất để xem xét sửa đổi chính thức./.

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

GS.TS. Mai Trọng Nhuận